

Phụ Nữ



Tại rạp hát Tây Saigon tối 7 Octobre,
Cô Năm-Phỉ, đóng vai Công-chúa Anh-Tuyên-Nga
trong tuồng Sắc-Giết-Người, được khán-giả
hoan-ngênh lắm.

DẦU TỪ-BI hiệu Con Trĩ

Tên dầu Từ-Bi hiệu Con Trĩ đã được chứng tại Tòa Saigon
ngày 18 Decembre 1922 và đăng trong Quan-báo Paris năm 1923.



Déposé en 1922

Các nhà Đại-lý dầu Từ-Bi:

Bentre:	Van-vô-Văn
Rachgia:	Nguyễn-ngọc-Thái
Thudoumôt:	Nguyễn-tấn-Xương
Gocông:	Thái-ngọc-Bình
Bacieu:	Đinh-Song
Vinhlong:	Nguyễn-thành-Liêu
Châudoc:	Công-nghia-Thành
Cantho:	An-bà-An-quân
Sadec:	Võ-dinh-Đinh
Mỹtho:	Hà-phâm-Chất
Phnompenh:	Huỳnh-Tri, Rue Obier
id	Huỳnh-Hữu, 14, Rue Delaporte
Huế:	Quang-Hải-Thơ-quân
Tourane:	Lê-thừa-An
Hanoi:	Nam-ký-Thơ-quân
Haiphong:	Hiệu Nam-Tân

Dầu Từ-Bi đã nổi danh, trong Nam, ngoài Bắc đều thông dụng và đều cho là một thứ dầu hay để nhứt. Dầu Từ-Bi chủ trị về các chứng phong, mà nhứt là cơn ngứa từ một hai tuổi sắp lên mười tuổi, để cho nó uống dầu Từ-Bi thì được luôn nam mạnh khoẻ, đó da thêm mịn, trong mình mát mẻ an chơi, khỏi lo bệnh hoạn chỉ hết. Dùng dầu Từ-Bi mà trị bệnh kinh phong, tê thấp, phong nổi để cung minh, các thứ ghẻ, trạc tay chơn, hoặc đau nhức rôm cả thân thể, thì thấy công hiệu như thần.

Con nít nhỏ ăn bú không tiêu, hay sinh bụng no hơi, hoặc hay đau bụng, đau cam-tích, ho nong, nếu dùng dầu này thì trung thành chứng bệnh, thấy lạnh mạnh tức tức. Dân bà vì huyết không tốt, hay đau và hình vóc khô khan vàng mợt, dùng dầu Từ-Bi trị thì thấy sự tiến triển là lòng không thuốc nào hơn.

Ata cũng đều khen dầu Từ-Bi hay vô cùng. Thuyết là vết khinh hình trong, xin qui khách lưu tâm thì nghiệm một khi thì rõ.

Nhà nào có con hay có uột, đau hoặc không lớn, ăn ít chơi ít, thì nên dùng dầu Từ-Bi lắm.

Giá bán lẻ khắp nơi mỗi ve 0\$30

Quý vị ở xa xin mua nơi mấy nhà Đại-lý trên đây, còn ở Saigon, Cholon, Giadinh thì mấy nhà buôn Annam và mấy hiệu café Đức-thành-Hưng đều có bán.

Xấu đời ra đẹp trong 3 ngày



Crème Tokalon, màu trắng, là 1 chất bột, trong 3 ngày nó đổi hẳn da mặt, làm cho da tươi nhuận và đẹp dễ lắm. Không có cách nào khác mà được hiệu nghiệm như vậy. Phải dùng Crème

này mỗi bữa sớm mai.

Quý bà muốn cho da mặt đứng nhàn-nhàn, đừng mau già, thì nên dùng Crème Tokalon, thứ màu hương. Thứ này phải thoa mỗi buổi tối, trước khi đi ngủ, nó sẽ làm cho da mặt hết nhăn và trẻ lại.

Đại-lý độc-quyền Namkỳ và Cao-miền
Maison: G. Rietmann Saigon.

Một bức thơ...

(Đặng nguyên-văn)

Thưa ông

Tôi có tiếp đáng gọi thuốc của ông gởi rồi. Thuốc CHI-LINH của ông, tôi đã thí nghiệm rồi, rất thần hiệu. Vì tôi có cho đứa con tôi, và mấy đứa trẻ ở lân cận uống, về bình minh mấy phát nóng. Hai chơn hơi lạnh. Sờ mũi, nhức đầu, đỏ mồm hơi trắng, và hơi thở mệt, buổi chiều thì mê mang. Đứa bình nhẹ tôi cho uống có một gói, mà các chứng đều nhẹ cả. Còn bình nặng (lâu) mới uống có hai ba gói, thì nó lộ ban đỏ ra đầy mình, rồi lần lần thuyên giảm, uống tiếp một hai gói nữa, thì các chứng đều tiêu trừ. Thật quý hóa thay. Không hề với cái tên (Chi Linh) vậy, rất đáng gọi là nhĩ khoa thành được. Nay tôi viết thơ này, đền tạ ơn ông. Luôn dịp xin ông gởi cho tôi 50 gói nữa.

Nay kính

Lâm trường Xuân commerçant à Lagi (Annam)
Thuốc này tôi có cầu chứng tại tòa, và có bán khắp cả Đông-Pháp, các gare xe điện đều có bán. Ở xa xin do nơi Madame Nguyễn-thị-Kính chợ mới Saigon, hay là do nơi M. Nguyễn-văn-Đức 11 Rue des Caisses à Hanoi, giá mỗi gói 0\$12 (mãng chổ bán đầu Khuyết-Diệp có bán).

PHỤ-NỮ TÂN-VĂN

NĂM THỨ NĂM, SỐ 222

Ngày 28 Octobre 1933

Chủ-nhơn:
M. NGUYỄN ĐỨC NHUẬN

SÁNG LẬP NỮ-LƯU HỌC-HỘI

Chị em đã từng thảo-luận về sự lợi-ích, về cách tổ-chức một cái học-hiệu riêng cho phụ-nữ, lấy tên là « Nữ-lưu học-hội ». Hết thấy các bạn đều nhận là một công-trình đáng gây dựng lên ở các đô-thành mới như Hanoi và Saigon.

Thảo-luận là một việc rất hay, vì nhờ nó mà các bạn đồng-chí trong nước trao đổi tư-tưởng và ý-kiến về một vấn-đề quan-hệ. Nhưng vậy, lời bàn luận không phải là một cái cứu-cánh, một cái mục-dịch.

Nghĩa là: ta không nên tranh-biện đề mà tranh-biện, mà tranh-biện đề hành-dộng và thiệ-hành.

Tuân theo tôn-chỉ nói trên này, Bồn-báo mời:

các bạn phụ-nữ hoạt-dộng,

các bạn đàn-ông biểu-dồng-tình với chị em,

ra công gắng sức đề sáng-lập « Nữ-lưu học-hội » ở Saigon!

Có lẽ chị em ở Trung Bắc cũng sẽ tranh đua với phụ-nữ ở đây mà xướng-xuất và tán-thành một hội học như vậy. Chúng tôi mong lắm.

Hiện thời, chúng tôi đã nghĩ đến mấy bạn nữ-lưu đề hợp thành một ban xướng-xuất, (Comité d'initiative), chức-vụ của ban này là gieo cái ý-tưởng « Nữ-lưu học-hội » trong hàng phụ-nữ; cắt nghĩa chỗ lợi-ích về các học-hiệu cao-đẳng mà phổ-thông này; chỉ rõ ảnh-hưởng của nó về sự tiến-hóa của vận-dộng phụ-nữ ra thế nào. Ban xướng-xuất sẽ lo về việc cổ-dộng bằng báo chí, sách vở, diễn-thuyết. Thiết-lập một ban xướng-xuất là một việc rất cần; cứ như chúng tôi nghĩ, thì việc này có thể thành-công trong nay mai.

PHU NU TAN VAN

Ban xưởng-xuất thành-lập xong, sẽ mời nhiều bạn nam nữ nhiệt thành và hoạt-dộng hợp sức nhau, đề thảo điều-lệ hội học, và mời các bạn nữ-lưu nhóm đại-hội lần đầu đề thảo-luận về điều-lệ, và bầu-cử ban trị-sự.

Ban trị-sự đặc-cử sẽ trình điều-lệ cho Chánh-phủ và ân-cần hỏi-han nhắc nhở, đề cho hội mau được ưng-chuẩn.

Trên đây, là phác-họa ra cái chương-trình của Bồn-báo sẽ thiết-hành trong nay mai. Kết-quả hay dở thề nào, trách-cử sẽ về Bồn-báo một phần, và chị em trong nước như là ở Saigon một phần!

Ai muốn có một hội học mở ban dạy về các khoa phổ-thông tri-thức, các nữ-công, các ngôn-ngữ văn-tự cần dùng cho phụ-nữ độc-thân và có chồng? cho dân-bà đã có học ít nhiều hay là chưa được học bao giờ?

Ai muốn có một nơi hội-hợp cho chị em, đề cho chị em khuyến-miến nhau trong đường học-vấn?

Ai muốn cho phụ-nữ được nghe giảng về các khoa có quan-hệ đến quyền-lợi của mình: luật-khoa, y-khoa, văn văn?

Ai muốn thấy một công-trình phụ-nữ lớn lao và có ảnh-hưởng hay trong xã-hội?

Hãy tán-thành vào *Nữ-lưu học-hội*!

Không những là chị em ở Saigon nên hưởng-ứng với ban xưởng-xuất, chị em suốt trong nước cũng sẽ vì sự lợi-ích cho toàn-thể nữ-giới mà cố-dộng cho việc lập học-hội này. *Chị em có thể hợp cùng chúng tôi để thiết-hành, hay là giới-thiệu cho chúng tôi các bạn nào hoạt-dộng và nhiệt-thành với công-trình này.*

Phụ nữ tân văn



CUỘC ĐỜI VỚI Ý TÔI

Trong tuần lễ vừa qua, nhiều báo hàng ngày Pháp văn đăng chữ to nói sắp có chiến-tranh, vì Hitler đã ra khỏi hội Vạn-quốc rồi! Các báo phân-nân rằng như vậy là hết mong hòa-bình, và giải-bình.

Nói như vậy là có ý báo rằng tại Đức-quốc hành hung và thiết hành phát-xít chủ-nghĩa mà hội Vạn-quốc không thể thiết hành sự hòa-bình.

Chúng tôi khuyên các bạn độc-giả chớ để tai nghe những lời nghị-luận nào, mà không phê-bình trước.

Từ sau cuộc Âu-chiến, Đức-quốc thành ra một xứ kém hèn yếu đuối và nghèo nàn. Địa-vị của Đức ở Âu-châu có khác nào địa vị Tàu ở Á-châu đâu?

Ngày trước thỉnh-thoảng ta nghe lời đồn về Tàu muốn gây chiến-tranh, tức cũng như lời đồn Đức-quốc muốn hành hung bầy giờ. Tổng chi là có mưu ngầm hết.

Thiết sự, dân Đức cũng như dân Tàu bất bình nhiều lắm; Hitler và Tướng-glóit-Thạch phải nói khoắc để phỉnh dân chớ Tàu và Đức mạnh và giàu bao nhiêu mà phải làm cho nước nào sợ?

Có điều Mỹ vì nhiều khi muốn tranh bá quyền ở Âu-châu và Á-châu, thì xuôi Hitler và Tướng-glóit-Thạch. Pháp là nước đương đặc thế trong hoàn cầu, tự-nhiên phải cho tuyên-truyền lên rằng Đức phát-xít làm dữ để lấy đó làm cớ mà tăng binh bị. Vì hiện thời, về mặt quân phi, Pháp xuất nhiều tiền lắm, nên bị công-kích vì cái đế-quốc chủ-nghĩa của mình. Trong năm 1932, quân phi ở Pháp cộng với phí-tồn về việc canh-sát có đến 22 ngàn triệu quan, gần phân nửa ngân-sách!

Tin làm cho người mình chú ý trong tuần lễ vừa qua là tin báo rằng chánh-phủ Xiêm đã trấn áp xong phong trào bạo-dộng.

Vua Xiêm trốn ở Huablin nay đã về Vọng-các (đi tàu bình vè). Dou-monvàng về tay bọn khởi-nghĩa đã

bị chánh-phủ lấy lại. Quân phiến loạn lui về ngã Korat. Nhiều tay lãnh-tự thấy thua thì tự-tử.

Arip báo tin này có nói thêm rằng: hiện giờ kinh-đô yên tĩnh lắm.

N. H.

Ông Bửu-Đình ở Xiêm?

Một tờ báo Pháp-văn ở đây có đăng tin rằng ông Bửu-Đình đương làm thầy chùa ở Xiêm. Rồi một tờ báo quốc-ngữ đã quá sốt sắn mà dịch đăng tin ấy, làm cho nhiều bạn xôn xao đến hỏi thăm chúng tôi.

Cái tin ông Bửu-Đình làm thầy chùa đủ làm cho các bạn của ông ấy biết là tin sai rồi.

Ông Bửu-Đình không còn ở đảo Côn-nôn nữa; hiện nay sống hay là chết, và như sống ở đâu, không ai biết được.

Trung-cổ hay là Phục-hưng ở xứ ta?

Gần đây, có nhiều văn-sĩ An-nam quả-quyết rằng hiện thời ở nước ta có cái quang-cảnh phục-hưng thời-dại ở Pháp, và Âu-châu.

Bây giờ, có người quả-quyết rằng hiện-trạng xứ mình, về lối Trung-cổ Âu-châu!

Các ngài nói làm đấy! Ngày nay có máy móc, vô tuyến điện, tàu thủy ở xứ này, lại có tất cả các trạng-thái thịnh-dầu về xã-hội, chánh-trị, kinh-tế như các xứ tiên-tiến Âu-châu, thì sao gọi được là Trung-cổ hay là Phục-hưng thời đại?

Các ngài chỉ thấy một hai chỗ tương-tự rồi quả-quyết sai, không chịu nhận những sự sai-biệt to-tát, là những sự sai-biệt to ra thời-dại mới; thời-dại chung cho khắp thế-giới.

Dầu xứ ta còn kém về dụng-cu kinh-tế, và học-thuật đi nữa, nó cũng ở về thế-kỷ hai mươi, là cái thế-kỷ tư-bổn chủ-nghĩa xôn-dột với xã-hội chủ-nghĩa.

Khác với Trung-cổ và Phục-hưng thời-dại, thời đại ngày nay là đại-đồng cho tất cả thế-giới.

Ai không tin thì cứ trông các quang-cảnh mới này ở xứ ta: báo-chí, ô-tô, tàu hỏa, nhà máy, nhà chớp bóng, vân vân.

Hai người bị hại vì gia-đình áp-chế

Sáng thứ năm tuần rồi, nhơn dân ở Phú-nhuận xôn xao về vụ hai người thiếu-niên nam nữ tự-tử trên đường rầy; nghĩa là họ nằm cho xe lửa Biên-hòa cán đầu lia khỏi xác.

Người hàng xóm thuật chuyện lại như vậy: hai người ấy đã thương nhau, muốn lấy nhau làm vợ chồng mà cha mẹ bên gái không cho. Thất vọng quá, cặp ấy phải tự-tử.

Trên tờ thanh-minh của ủy-ban phụ-nữ chủ-nghĩa, chị em nên nhắc chuyện này để biểu-hiệu sự áp-chế của gia-đình.

Ma phá!

Cái chuyện dị-đoan « ma phá » hay là « nhà có ma » gần đây lại banh-hành ở Namkỳ ta, cho đến

đôi có nhà báo đã thuật rằng ở Tândinh, đường Vassagne có ma, làm mất công độc-giã lo sợ!

Không có ma có chi đâu, chỉ có người hay phập phồng vì chuyện nhảm mà thôi. Biết bao kẻ thần-kinh rối loạn, hay là mắc nhiều bệnh không có tên gọi trong ngôn-ngữ Annam; hystérie, v. v. ợ ngáp tối ngày rồi kêu ầm lên là bị « ma ám »!

Quang-cảnh Saigon-Cholon.

« Cholon là một cái thành chết », mọi người đều công-nhận như thế, vì nhiều tiệm, nhiều hiệu cao-lầu đóng cửa, mất vẻ sanh hoạt đi nhều. Saigon nay cũng bày ra quang-cảnh buồn. Nhà « à louer » của S. I. D. I., Crédit foncier, công-ty chủ Hòa vân vân, nhiều quá; tuần nào cũng có nhà bị bán giá rẻ. La nhất là trường-tòa và thầy-kiện cũng ít!

Vụ có kỷ Nghĩa

Các báo hằng ngày trong ba kỳ đều có đăng tin về vụ có Nguyễn-thị-Thảo tức kỷ Nghĩa chưa chấp Ngô-trọng-Tự. Tòa Nam-án sáng thứ năm 5 Octobre họp ở Haiduong đã tuyên-án như vậy:

Nguyễn-văn-Thố, hiệu Tam-Son, 2 năm khổ sai, 5 năm quản thúc, Nguyễn-thị-Thảo tức kỷ Nghĩa và Nguyễn-Thức tức Tĩnh-vũ-Nghĩa tức Trọng trắng án.

Phiên đặc-biệt tòa Nam-án này do viên chánh-án Gillon chủ-tọa, viên thư-ý tá Nguyễn-huy-Xương làm bồi-thẩm.

Không có thầy kiện cãi ở đây.

Vụ bắt rượu lậu ở Thủ-đức

Chắc các bạn độc-giã còn nhớ vụ bắt rượu lậu ở Thủ-đức, lính Đoàn vào nhà người khám soát và bắt phá.

Vụ ấy đã ra trước tòa tuần rồi.

Lính Đoàn khai rằng mình phải chống-cự là vì người nhà tên

Phú hãm-dọa cột đầu họ lại. Lính mà phải bắn là vì thần-nhơn tên Phú làm dữ với lính.

Tòa đã cho Phú là bị cáo trắng án. Sở Thương-chánh phải bồi thường cho Phú 500 quan tiền, và 1 đồng bạc tiền thiệt hại.

« Lão già chết hai nghiệp »

Báo Công-Luận đã nêu câu trên này để thuật chuyện một lão kia ở về hạt Bentre bị cùn chém chết vì tội lấy vợ của nó.

Ông này chết trong nhà thương. Thần-nhơn lần-liệm, rồi chôn hàng trên một chiếc tam-bảng nhỏ. Tam bảng ra tới vòm Bentre gặp tàu tây ở Travinch về. Sóng tàu đập vào tam bảng, nước tràn vô làm chìm thuyền. Người chép chuyện cho thế là « chết hai nghiệp », và « trời treo gương ».

Theo ý chúng tôi, ở về thế-kỷ này không cần phải đem những chuyện mê-tín ra mà dọa người, vì hình như không còn mấy ai là tin những chuyện trời phạt nữa.

Những điều dâm-loạn như vậy đã gây ra án-mạng ghê gớm, chính đó là gương treo để cho kẻ muốn làm bậy phải sợ hãi mà không dám làm.

Báo « Đồng-Nai » tái bản.

Báo « Đồng-Nai » do ông đốc-tơ Nhã chỉ huy đình bản một độ, nay sắp tái-bản.

Lần này, ông Đoàn quang Tấn làm chủ-nhiệm; ông Phan-văn-Hùm, ở Pháp mới về, sẽ làm chủ-bút.

Tờ « Đồng-Nai » tái-bản theo như lời thuật của người biên chuyện, sẽ xét về mọi vấn-đề về phương-diện khoa-học.

Tục mới trong vại giáo-hội Nam-kỳ

Đạo « Phật Thích-Ca » và « Ra-

makhrisna-thiên-chức » của sư Nguyễn-kim-Muôn trong Giadinh hình như cổ tâm mở một thời-kỷ mới trong thế-giới tu-hành ở xứ này.

Sau khi một người đứng ra diễn-giải cho công-chúng tín-đồ trong chùa biết rằng: nên nhìn cái thiệt-tế xã-hội hơn là tranh-biện mãi về nghĩa lý chữ phạn; nên lưu tâm chủ ý tới sự sanh-lôn của dân-chúng mà chớ mơ mộng hão huyền, thì sư họ Nguyễn lại đứng lên nói rất vui-vẻ rằng: Tôi rất biểu-đồng-tinh với nhà lập luận. Và, tôi tuy tu hành chớ vẫn theo lối tây, cho nên xin chị em anh em vỗ tay mừng diễn-giải.

Rồi, khắp chùa vang-vậy tiếng vỗ tay! Tôi tưởng đó thiệt là một sự mới mẻ!

Chùa của ông Muôn cũng có cổ vãi tu cho nên sáng nào cũng thấy vãi đi chợ mua ăn. Đó thiệt là sự sáng khởi hay ho? Hiện thời sư Muôn làm chủ bút trương « chấn hưng phật giáo » của báo Cùng-Bạn cổ động cho người tu luyện cho thành Phật. Bất pháp của sư, độc-giã « Phu-nữ » đã biết qua rồi!

Ông Muôn bày ra những sự mới mẻ này cũng không thua ông kia trong dịp chôn ma. Nhon có người đọc bài diễn-văn kể công nghiệp người mất, ông ấy bày ra vỗ tay vang rân, để biểu-đồng-tinh!

Như vậy, trong dịp buồn mới có thể cười được.

Bên-báo xin đình chánh một câu đăng ở bài xã-luận kỳ rồi nói về « Một ngày đáng kỷ-niệm của báo Phu-nữ ». Câu Bên-báo đã lập thành..... hai hội Dục-anh, xin chữa lại: đã xướng-xuất việc lập thành hai viện Dục-anh. Vì sót hai chữ, mà câu trên này sai nghĩa, mong các bạn thứ cho.

B. B.



ÔNG BÀ TA XƯA ĐÃ BIẾT CÁCH LÀM BÁO THÔNG TIN

Mới thấy cái tựa, nói rằng từ xưa nước mình đã có những tay biết làm báo thông tin rồi, thì chắc có nhiều người muốn rầy đại tôi:

— Nói láo! Nói diên! Tờ báo là sản-vật của Âu, Mỹ, của đời nay, nhờ học đòi người ta thì mình đây mới biết xuất-bản báo chí để truyền-bá tư-tưởng, thông báo tin tức, chớ xưa kia mình đã biết « làm báo thông tin » là cái cóc rác gì. Dân gian ở cách xa nhau độ năm bảy dặm đường, có xảy ra việc gì cũng chẳng hay; cho tới giấy tờ việc vua việc quan, phải có lính trạm cỡi ngựa hay chạy bộ đêm ngày, từ Nam ra Huế, ngoài Bắc vô kinh, mất cả tháng trường mới thông báo được một cái tin tức. Ví dụ khi ba tỉnh Nam-kỳ thất thủ, cũ-g như lúc thành Hanoi bị hạ, đều cách một vài tháng sau trào-dình mới hay. Việc vua quan khẩn cấp và giữa hồi quốc-gia hữu-biến, mà sự thông tin còn vậy, nói gì dân-gian, bảo rằng đã biết làm báo thông tin, là làm cách nào? bao giờ? thông tin thế nào? Nói diên! Nói láo!

Anh chị làm gì mà nóng nảy dữ vậy, để tôi thuật chuyện ra nghe thử coi đã chớ.

Tôi nói quyết rằng xưa kia, nghĩa là từ hồi nước mình chưa gặp Tây-phương, mình đã từng biết cách « làm báo thông tin » lâu rồi. Có điều là « báo » của mình hồi trước làm một cách riêng: không có chủ-nhiệm chủ-bút, không mở nhà báo nhà in, chẳng cần phòng-sự gửi bài, chẳng dùng con nít rao bán; nhưt là không có kiểm- duyệt mà cũng chẳng cần phải phiên sớ bừa-chánh và nhà đại-lý nào ráo; ấy vậy mà ông bà ta xưa vẫn có làm báo thông tin mới lạ!

Ngày xưa, ta đã biết làm báo thông tin, ấy là cách làm báo thông tin bằng... Thơ.

Tôi nghĩ chắc trước khi người ta biết lấy giấy trắng bôi đen mỗi ngày một tờ hay mỗi tuần một tập như là bây giờ đây, thì đời xưa dân-tộc nào gọi là có văn-tự học-thuật, cũng đều có một lối thông báo tin tức riêng cho nhau, tuy không gọi là báo, nhưng chính thật là báo đó.

Ví dụ nước Pháp hồi xưa có hai lối thi-ca của các ông thi-sĩ đời cổ làm ra cốt để khen ngợi anh hùng, chúc tụng vua chúa, gọi là Chanson de gestes, là Troubadour, là Troupères, ấy tức là cách

làm báo thông tin mà người ta không tự biết. Vì nhờ có những bài thi-ca đó truyền tụng ra, nhưn dân mới được biết đạo binh nào mới thắng trận về, hoặc là công-nghiệp của vị vua chúa này kẻ anh hùng kia ra sao. Về sau, khoảng thế-kỷ 15, 16, có các thi-gia

chuyên làm thơ ca về những việc mới xảy ra trong trào-dình và trong xã-hội, để dâng cho vua coi, thì cũng là cách làm báo thông tin nữa, chỉ khác một điều là chưa in ra cả ngàn cả muôn tờ để bán khắp nơi cho mọi người đọc thôi. Nhưng mọi người được nghe những bài thi-ca ấy, mà biết nhiều chuyện xảy ra trong xứ, thì cũng không khác gì mình ngày nay được đọc báo xem tin.

Nước Tàu thuở trước cũng vậy. Xem trong cuốn « Souvenirs d'un voyage dans la Chine » của ông cổ đạo Huc, thì ra đời xưa Trung-quốc có hạng người đi bình văn và báo tin cho công-chúng hay, gọi là « Chouo-chou-ti » (tôi chưa tra cứu ra ba chữ Hán này là gì, rất tiếc).

Họ là hạng người có khẩu-tài hùng-biện, thường



đi rảo khắp làng này qua làng kia, đứng trước cửa chùa xóm chợ, đem những bài văn nói về các việc quan-hệ và thống-thiết ở trong nước ra, mà đọc cho thiên-hạ nghe. Tùy từng việc mà họ thay đổi dung nhan, bảy tỏ điệu bộ khéo lắm. Thiên hạ đứng xúm quanh để nghe; người đọc khi đọc xong mỗi đoạn lại có phẩm-bình giơng giãi, rồi nghỉ một lát, ngửa tay xin tiền bố thí của thỉnh giả. Phần nhiều những bài họ bình đó, có quan-hệ tới trào-chánh và quốc-sự.

Như vậy thì tôi tưởng hạng này chính là các nhà làm báo thông tin bằng cửa miệng đầu lưỡi, và họ cũng bán báo cho thỉnh-giả — chứ không phải đọc giả — đó chứ gì.

Cổ-thời, nước Nam tuy không làm báo thông tin giống như kiểu cách « hát dạo binh văn » của hạng *troubadour* nước Pháp và *Chouo-chou-li* nước Tàu đã nói trên đây, nhưng ta cũng làm báo thông tin bằng thơ văn từ phú như họ vậy.



Thiệt, các cụ ta hồi xưa làm báo thông tin một cách giản tiện, thậm trầm, mà lại vô tâm bất ý. Mỗi khi gặp những việc mới chuyện lạ gì, nên khen, nên chê, nên cười, nên khóc, các cụ dùng mấy vần thơ để chép việc và ngụ ý của mình phê bình hay than thở; mấy câu thi-văn ấy tức là một bài xã-thuyết hay một tin thời-sự. Không thêm nói cả kẻ đề ngỗng gì cả: chỉ mấy câu thơ là biên chép và phê-bình đủ hết một câu chuyện dài muốn nói.

Sở dĩ mấy câu thơ văn đó phải có cái hiệu-lực tất nhiên như vậy, cho nên tôi nhìn nhận nó là cách làm báo thông tin. Trước hết, nó hay nó cảm, nó thiết thực với hoặc thời-sự, hoặc thế-tình, bắt buộc người này đã nghe được, sao sao cũng đọc cho người khác nghe. Sức truyền bá phổ-thông của nó mạnh lắm. Nào có phải chỉ đọc vốn vẹn có mấy câu thơ cho nhau nghe chơi mà được đâu; người đọc tất nhiên phải kể lễ sự-tích vì làm sao có câu thơ nọ bài văn kia. Có kể-lễ sự-tích duyên do của câu thơ bài văn, mới tỏ ra nó hay và nó có ý ký-ngụ thế nào? Chính nhờ về chỗ đó mà ở cái đời chưa có báo-chí và điện-tín, mỗi việc quan-hệ xảy ra, bất cứ về chánh-trị, về phong-tục, người ta có thể thông tin cho nhau và hiểu chuyện được hết, đầu ở cách xa mấy cũng rứa. Đây điện báo là ở cửa miệng người nọ truyền qua người kia.

Tôi muốn thuật ra ít nhiều việc để làm chứng. Hồi vua Lê Chiêu-Thống phải bỏ kinh thành chạy trốn ở các miền thôn quê, để lánh nạn Tây-sơn, ngài có đề hai câu thơ sau này ở trước cổng đình của một vị quan đại-thần hưu trí:

我國平章天下重
汝家風俗世間無

Ngã quốc bình-chương thiên-hạ trọng,
Nhữ gia phong-tục thế-gian vô.

Mười bốn chữ ấy là một đoạn lưu-lạc gian-nan của vua Chiêu-Thống trong cơn đảo nạn. Phải chi đời đó đã có báo-chương rồi, thì tất sao người ta cũng viết ra một bài thời-sự khá dài; nhưng đời đó chưa có báo, thì hai câu thi kia cũng đủ làm một cái tin, người ta truyền-tung với nhau, tức thì biết được tung tích vua Chiêu-Thống đang ở chỗ nào, và gặp những nông nỗi ra sao.

Sở dĩ hồi đó ngài bị binh Tây-sơn truy-tầm gắt gao, phải lần lút ở các miệt thôn-quê để trốn tránh; bữa nọ, trời đã chiều tối mà bụng đói như cáo, không biết xin ăn nhờ ngừ ở đâu bây giờ. May sao ngài nhớ lại trong làng này có nhà một quan lớn Bình-chương (tức như thượng-thor) nguyên là đại-thần trong triều mới về hưu-tri, ngài liền tới gõ cửa cầu cứu, trong trí định chắc rằng người cựu-thần của mình tất phải tiếp rước mình.

Không dè ông Bình-chương biết là vua Chiêu-Thống, thì ông sai gia-dinh đóng chặt cửa ngõ lại không cho vô, vì thanh-thế của Tây-sơn đang mạnh, ông sợ chứa chấp ông vua bỏ-đào trong nhà mà Tây-sơn hay được thì họ giết mình đi chẳng, thật là thế-tình ảm lạnh, hơn sự mai chiếu, lúc nào cớ ai áo ai, mà bây giờ chưa cũ gặp nạn, họ đánh làm lơ.

Thấy cảnh nguy bên mình, lòng người quá ngán, vua Chiêu-Thống chỉ lấy đất bùn viết hai câu thi trên vách tường ngoài cổng nhà ông Bình-chương rồi suốt đêm phải chạy đi chỗ khác, vì ngài sợ người táng-tâm kia có thể bắt ngài đem nộp cho Tây-sơn nữa, chứ không phải không tiếp mà thôi. Hai câu thi trên đây, ý ngài mắng khéo:

Bình chương quan lớn ai không trọng,
Phong tục nhà người tiếng để đời.

Qua bữa sau, đám sĩ-plu trong làng ngó thấy câu thi và hay sự-tích, rồi người làng truyền tung với người trong tổng, lần lần tràn lan ra khắp người trong huyện trong tỉnh và cả Bắc-hà đều biết cái tin vua Chiêu-Thống đảo nạn mà bị ông Bình-chương kia đóng cửa.

Thế là trong khi vua Chiêu-Thống đề hai câu thi, chỉ để tỏ lòng căm-phẫn với một người cựu-thần bội bạc, mà ở chỗ bất ý vô tâm, kỳ thiệt ngài đã làm báo thông tin việc đó cho người trong nước hay vậy.

Lúc thành Hanoi thất-thủ, quan Tổng-đốc

Hoàng-Diệu tự tử, chuyện ấy dân-gian có mấy ai hay biết đâu, nhứt là những người ở xa; nhưng mà nhờ có bài ca *Chánh-khi* của nhà văn Ba-Giai làm như bài báo thông tin, có những câu như vậy:

Một cơn gió thảm mưa sầu,
Đúc nung gan sắt giải dầu lòng sầu.
Chữ trung đã rập vuông tròn,
Quyết đem gởi cái tàn-hồn cỏ cây.
Trời cao biển rộng đất dày,
Núi Nùng sông Nhị chôn này làm ghi.

Vì ai nên nổi nước này,
Đề người danh-tiết biết ngày nào quên?
Giải Nhị-hà cõi giang biên,
Trăm năm gương sáng để ngàn đời soi.
Họ Hoàng Tổng-đốc là ai?
Anh-hùng khảng khái vốn người cõi Nam.

Cũng trong hồi đó, binh Pháp kéo tới hạ thành Hanoi, ông Tổng-đốc Hoàng-Diệu là quan văn thì hết sức chống giữ, đến khi chống giữ không được thì đành tử-tiết; còn ông Đề-đốc Lê-Trinh là quan võ, có trách-nhậm thủ-thành, thì lại bỏ thành mà chạy như chuột lủi. Nhờ ông Ba-Giai làm bài thơ sau này để thông tin cho người trong nước biết:

Nhắc cán Thái-lãnh với hồng mao:
Nghe nói quan Đề khảng khái sao?
Thất cổ tay đã vin xuống thấp;
Trăm mình đầu lại ngồng lên cao.
Lăn lừng rờ thuốc rơi đầu mất,
Lấy hốt làm gươm thích chẳng vào.
Từ bất tử rồi ngợ ngàn mãi,
Hỏi thăm quan Đề chạy đường nào.

Đó, trong lúc chưa có báo chí ra đời, các tiền nhưn ta vẫn có cách thông tin bằng thơ văn như thế. Tôi tưởng cách ấy có lẽ còn có hiệu lực hơn là báo nữa, nhứt là về mặt thời-sự, vừa thâm thiết, vừa gọn gàng, ai đã nghe thơ tức là biết chuyện, rồi nó chôn vào trong tim óc người ta, không phải như đọc một bài báo chỉ làm cho phừng-phất lúc đó rồi mau quên đi.

Mà cách thông tin ấy, chẳng những chỉ có giới hạn ở việc trong nước mà thôi đâu, cũng có thông tin cả tình-hình nước ngoài, không khác gì bây giờ báo ta hay viết về vấn-đề hải-ngoại thời-bình vậy nữa!

Mấy chục năm trước, xứ ta chưa có báo quốc-văn và nhưn-sĩ trong nước có ai biết cuộc duy-tân phú cường của Nhật-bổn là gì ở đâu, nhưng có bài « *A-tê-d* » của cụ Tân Thuật thông tin, thì có đoạn khiến cho người mình cũng biết cuộc tự-cường của nước Nhật ra thế nào?

Cờ độc-lập dựng đầu phất trước,
Nhật-bổn kia vốn nước đồng-văn.

A-dông nổi hiệu duy-tân,
Nhật-hoàng Minh-trị anh-quân ai bi?

Sức thần-vô riêng về một họ,
Vùng Phò-lang chói đỏ góc trời.

Kể đời thứ hai mươi hai,
Năm hai ngàn lẻ năm mươi có thừa.

Sân cơ-hội trời đưa lại đó,
Chốn kinh-thành Thần-hộ dời sang.

Đẹp Mạc-phủ, bỏ phiên-bang,
Đời dòng chánh sóc, thay lòng y-quan.

Khắp trong nước dân-đoàn xã-khí,
Nhà học-đường đã ngoại ba muôn.

Việc kỹ-nghệ, việc bán buôn,
Nơi lò đúc súng, nơi khuôn đúc đồng.

Trà, tơ, lụa, gai, bông, nhung, vỏ,
Mọi đồ sơn, văn-mẫu pha-lẽ.

Gươm và quạt, tàu và xe,
Đủ mùi hải lục, hiệp nghề công thương.

Đất Đại-bán mở trường đúc súng,
Xưởng Đông-kinh riêng cũng một nhà.

Trường-kỹ thuyền-cuộc mấy tòa,
Già-lân, Tu-hạ, ấy là hải-quân.

Thuyền với pháo đã trăm phần chấn chỉnh,
Lại ngư-lôi bắc-dĩnh ai tay.

Quan quân lượn tập đêm ngày,
Phủ cường so với Thái tây kém gì!

Xem đoạn này ta biết được công-cuộc duy-tân tự cường của Nhật-bổn, thử coi có khác gì một bài kỹ-thuật trong tờ báo chút nào; Tại xem đoạn khác ta biết được việc Nhật thắng Nga nữa:

Giáp thìn (1905) trong tháng chạp tây,
Chiến thơ hai nước định ngày giao-tuy.

Trận thứ nhứt Cáo-ly lưng tiếng,
Khắp hoàn-cầu muôn miệng đều khen.

Sa tràng xung đột mấy phen,
Ngọn cờ Áp-lục, tiếng kèn Liêu-dương.

Hội Vạn-quốc diễn tuồng thương nghị,
Chấu đá voi, sự ấy cũng nực cười.

Xem trong hòa khoản mười hai,
Điều nào Nga cũng chịu lui trăm phần.

Ta xem đại-khái như vậy, thì ta chớ nên tưởng rằng trước khi chưa có báo-chương ấn-hành, người xứ ta tại như diếc mắt như dơi, không có cách gì thông tin và không thể biết việc ngoại-dương ra sao hết. Thiệt ta có cách làm báo thông tin riêng của ta đó chứ.

Đã vậy mà mỗi chuyện lớn nhỏ gì xảy ra trong nước, cũng có một nhà thi-sĩ — tức là tân-văn ký-giả — làm thơ tức sự để thông tin.

Vi du nghe bài thơ này thì biết miền Hà-nam có nạn lụt lội đời kém:

Quai-mề Thanh-liêm đã lở rồi,
Vùng ta thôi cũng lụt mà thôi.
Gạo năm ba bát cơ còn kém,
Thuế một hai nguyên đáng chữa đời.
Tiếng sáo vo ve chiều nước vọng,
Chiếc thuyền len lỏi bóng trắng soi.
Đi đâu cũng thấy người ta nói:
Mười mấy năm nay lại cái bồi.

Có khi nghe mấy câu thơ mà người ta biết sự hành-dộng của một chủ tham-quan:

Giam thăng đánh dậm lẫn lưng khố,
Bắt dũa hoang thai liếm cã quần.
Bợ dít « người ta » (?) lên về mặt,
Nhờ đỡ con đĩ mới nên thân.

Có khi nhờ một bài thi truyền tụng, mà người ta biết cái tình-tệ của khoa cử lối xưa, quan trường bất công và sĩ-tử đau buồn ra thế nào? Vi dụ mấy câu dưới đây đem cả tên họ của quan trường và mấy người đau gian ra mà dùng như tiếng thường thật khéo:

Quyển đã thiếp li Từ diễm lấp,
Văn như tương nát Tạ khuyến đồn.
Con đậu cha Quý đã mới gối,
Em vinh chị Lết cũng mòn tròn.

Khoa thi đó hai ông Tạ-Tương và Từ-Thiếp làm chánh phó chủ-khảo; nhà làm thơ khéo dùng chữ trào trớ vừa có nghĩa thường, vừa đem được trọn tên họ người ta ra. Tôi cho mấy câu ấy thật là một bài báo kỹ-thuật khoa thi rất hay và thông tin rất khéo; lúc chưa có báo quốc-văn thanh-hành, mà nếu không có bài thơ tức-sự như thế, thì có ai biết được khoa thi ấy có chuyện đáng nói ra sao ở đâu?

Tiếc vì giấy mực có hạn, thành ra đáng lý nên đem thêm nhiều chuyện khác ra làm chừng có nữa, mà chỉ đem được có bấy nhiêu thôi.

Nhưng tôi nghĩ bấy nhiêu cũng đủ bày tỏ cho độc-giả thấy rằng khi chưa có báo-chương xuất-bản như bây giờ, thì người mình xưa vẫn có thể nghe biết tin tức bằng câu văn bài thơ vậy. Thế là về việc xuất bản báo-chương, ngày xưa ông bà ta đã khởi ra cái nguyên-tắc, mà ngày nay chúng ta đem ra thiếp-hành đó thôi.

Có người cho Không-tử chính là ông tổ làng báo, cũng không phải là vô lý cũ đâu. Vì hồi sanh tiền, ngài từng làm những việc y như phân sự bọn làm báo chúng ta đời nay. Vi dụ ngài đi tới đất nhà

Sách mới xuất bản

Trong 2 tháng rồi Bồn-báo có tiếp đăng các thứ sách sau đây của các nhà văn gởi tặng. Bồn-báo xin có lời cảm ơn tác-giả và giới-thiệu cùng quí độc-giả.

1. **Nợ văn-chương** của ông Cung-giữ-Nguyên.
2. **Mua may bán đất** của ông Đặng-hữu-Nghĩa do Thực-tế Tùng-thư xuất-bản.
3. **Người sơn nhơn** của ông Lưu-trọng-Lưu.
4. **Quốc văn Sơ học độc bản** của Văn-học Tùng-thư xuất-bản.
5. **Tổ-Tâm** của Song-an Hoàng-ngọc-Phách do Namkỳ Thư-quán xuất-bản.
6. **Đạo Giáo (quyển nhứt)** do ông và bà Trần-văn-Khanh xuất bản phát không.
7. **Học Thề-glớ-l-ngữ** của ông Bùi-nguyên-Dĩnh.
8. **Thầy nhà lá vườn** của ông Hồi-xuân Phạm-dụng-Hanh.
9. **Tuổi mơ mộng** của ông Khái-Hưng, do Tự-lực Văn-đoàn xuất-bản.
10. **Sách chuyên môn Ngoại-khoa** của ông Nguyễn-xuân-Dương.



Châu tìm hỏi Lão-tử về việc lễ, thế là ngài đi « phỏng vấn » (interview); ngài vô nhà Thái-miếu động chút gì cũng hỏi, thế là ngài đi « điều-ra phỏng-sự » (enquête, reportage); và ngài soạn sách Xuân-thu, thế là ngài ghi chép « tin tức » (chronique) vậy!

Người xưa học theo Không-tử, nên chỉ lúc chưa có báo in ra, mà ông bà ta lấy thơ văn để chép việc và thông tin, cũng chính là một cách làm báo vậy.

PHẠM VĂN-ANH

Cái đời đáng treo gương sáng của nhà doanh nghiệp Nguyễn-văn-Việt

Từ hai bàn tay trắng, một con zéro, gây dựng lên sự nghiệp to lớn muôn ngàn

Ông chủ-nhơn nhà in Jh Viêt ở đường d'Ormay, nhà lãnh in *Phụ-nữ Tân-văn* từ năm 1929 đến nay, là ông Joseph Nguyễn-v-Việt, đã nhẹ gót lên nước Thiên-đàng, sau 65 năm sanh-trưởng phấn-đấu ở cõi đời và sau 5 tháng mang bệnh ung-thư (cancer) nan trị. Buồn thay! Tiếc thay!

Trải 5 năm trường, nhà báo và nhà in giao-thiệp mật-thiết với nhau về công-việc ăn-loát, thiệt ông Viêt đã hết lòng chăm nom lo lắng việc in báo *Phụ-nữ*, nhờ đó mà cái ngoại-quan của tập báo chị em mới có vẻ sửa sang sạch sẽ như vậy, thế thì ngày nay ông Viêt mất đi, cố-nhiên là về mặt tình riêng, P. N. T. V. chúng tôi phải lấy làm ngậm ngùi, sự than tiếc cảm-thương nói ra vô hạn.

Song nào phải chúng tôi cảm-thương than tiếc chỉ

vì tình riêng mà thôi, lại chính cũng vì cuộc đời và việc chung nữa. Ông Viêt mất đi, tức là thiệt thời cho xứ ta hết một nhà doanh-nghiệp có chí có tài, đang lúc phấn-đấu hoạt-dộng; các công cuộc từ-thiện trong xã-hội cũng thiệt-thời nơi ông, hết đi một người hảo-hiệp, một người sốt-sắng.

Tuy vậy, người đi mà danh ở; chúng tôi thấy ở ông Viêt có một tấm gương nghị-lực, kinh-doanh và nhơn đức rất sáng, đáng treo lên cho đồng-bào soi chung, cho nên trong khi ngậm ngùi than tiếc ông, có cái tiếng phàn-sự gọi chúng tôi bảo phải đem cái đại-lực doanh-nghiệp sanh bình của ông Viêt ra thuật lại cho anh em chị em được biết.



Ông Joseph Nguyễn-văn-Việt sanh năm 1868 tại thế ngày 20 Octobre 1933, hưởng thọ 65 tuổi. Cuộc tổng chung đã cử hành hôm ngày 24 Octobre 1933. Bồn-báo đồng-nhân xin chia buồn cùng tang-quyển và cầu chúc hương-hồn ông Joseph được lên chốn thiên-đàng

Ông xuất thân rất là hàn-vi thanh-bạch, cha mẹ chỉ cho cái hình-hài đó thôi, chứ không có thể cho đi học và cũng không lưu lại cho có một chút đất đai tiền của nào. Một con zéro, hai bàn tay trắng. Năm 22 tuổi, ông bắt đầu đi lập thân, vô làm thợ đóng sách ở nhà in Ardin, tức là nhà in ở góc đường Catinal và d'Ormay, hồi đó còn là ông già ông chủ con bảy giờ làm chữ.

Nhà in phát lương cho \$70 một ngày, vì ông là một người thợ khéo; trong khi đó thì bà vợ đi may cho tây, được 6\$ tiền công một tuần lễ. Những người đồng-thời với ông thuật chuyện rằng hồi ấy tình-cảnhsanh-hoạt của hai ông bà rất mực khổ sở, đến nước mỗi người chỉ có một bộ đồ bận trong mình mà thôi.

Nếu không phải là người có óc chí lớn, quyết định nghiệp to, thì chắc hẳn đến bây giờ, ông Viêt chung qui chỉ là một người thợ đóng sách bình-thường, lặn lộn ở trong phái vô-sân, không ai biết tới. Song ông là người có chí-khi, muốn làm nên sự-nghiệp to ở đời, chứ không chịu cam tâm ở trong cái vòng nghèo khổ chật hẹp.

Nhơn vậy mà vợ chồng đi làm mướn mấy năm, góp nhóp được chút ít tiền bạc, trước hết mua món vật-liệu lõi thôi, dùng để đóng sách, rồi mở riêng một nhà đóng sách nho nhỏ ở đường Paul Blanchy. Nhà đại-doanh-nghiệp mai sau, bước cái bước đầu từ đó.

Đến năm 1898, hồi ông được 30 tuổi, ông Phát-

PHU NU TAN VAN

Toán chủ nhà in ở số 83 đường d'Ormay, thấy ông Việt là người thợ có tài mà có chí, bèn để lại cho ông mấy món đồ nhà nghề, gồm có một cái máy cắt, một cái máy ép, linh giá 1.100\$ cho trả góp làm 15 tháng. Muốn làm công việc lớn, thì phải cá quyết, gan dạ; với mấy món đồ xập xệ đó, ông Việt dời tiệm đóng sách của mình ở đường Paul Blanchy qua ở đường d'Ormay, chính ngay cái chỗ ông ở từ hồi ấy cho tới ngày nay, trái 35 năm.

Có điều là ban đầu lên ở đây, ông còn tạm trú ở phía sau, thùng thùng công việc đóng sách phát đạt, trả góp hết số nợ 1100\$. rồi, lần hồi này mua được một mớ chữ, mai sắm được cái máy in, rồi từ phía sau xích ra phía trước lần lần, chiếm luôn hai căn phố lầu số 85 và 87, thành ra nhà in Jh Việt to lớn.

Ta nên biết trong mấy chục năm tấn tới từ từ mà có cái sự nghiệp kết-quả như thế, ông đã bỏ ra nhiều nghị-lực, nhiều tâm-chí, là cái đức-tánh tự-nhiên trời phú cho ông. Nhất là ông lại là người ít học, thế mà ông có chí kinh-doanh, có tài hoạt-động, vậy mới lạ lùng và đáng phục hơn nữa.

Trong khoảng vài mươi năm hai bàn tay trắng mà tạo lập lên được một cái cơ-đo án-cuộc đáng giá một vài chục muôn, với 200 mẫu đất trồng cao-su, mấy chục căn phố; một tòa nhà đồ sộ, tuy so sánh với xứ người chưa thấm vào đâu; nhưng ở xứ mình vậy cũng là một cái cơ-nghiệp khá lớn; cơ-nghiệp ấy lại do tay không mà xây dựng lên, nếu không phải là người có tài chí và nghị-lực thì không tới được vậy. Với cái tài-chí và nghị-lực của ông, nếu sanh trưởng làm người ở những xứ có cái phạm-vi hoạt-động lớn, thì ông đã là ông Việt to lớn giàu có gấp trăm kia, chẳng phải chỉ có như bây giờ mà thôi.

Có chỗ đáng kính đáng mộ hơn là sanh-bình ông không phải người chỉ biết lo thân ích kỷ, mà ông lại lo việc giúp người ta, giúp ích thiên-hạ rất nhiều. Nhất là những việc từ-thiện cứu-tế, ông sốt sắng hăng hái làm trọn luôn luôn; chắc ông nghĩ đó là thiên chức của kẻ có địa-vị sản-nghiệp hơn người, và chắc ông cũng nhớ lại cái cảnh hào-vi thanh-bạch của mình hồi xưa khổ nào thế nào, thì những người gặp cảnh khổ-não bây giờ cũng thế, cho nên ông rộng lòng với mọi việc từ-thiện cứu-tế lắm.

Bất cứ có cuộc phước đức lên tiếng gọi ông bao giờ, thì lòng từ-bi của ông trả lời đồng được lúc đó. Bất cứ người đói nghèo nào đã gõ cửa

ông mà vô, thì khi bước ra sao cũng có nụ cười, có nét vui. Ông lo làm việc từ-thiện hình như cậu học trò phải lo học thuộc bài, hay là người hiền-phu chăm chỉ việc nội-trợ vậy. Thấy những nhà nghèo có con đau yếu gần chết, họ đem lại cho ông, thì ông cho 5\$, rồi ông xuất thêm 5\$ gửi đưa nhỏ ấy vô bà Phước nuôi nấng hay là chôn cất. Nhà nuôi con nit mồ côi ở bên Xóm-chiếu, mỗi năm ông giúp cho bạc trăm; trái mười mấy năm nay, không năm nào sai sót. Cho đến các cuộc nghĩa-quyên để cứu dân tàn tật, dân bị nước lụt, dân thất-nghiệp v.v.. ông là một người quyền trợ mau mắn rộng rãi. Đã vậy mà ông bố-thí một cách tự-nhiên, không cầu lấy sự bày tên có tiếng gì hết.

Thiệt ông không cầu danh-vọng, với việc phước thiện hay việc kinh-doanh cũng vậy. Cách y-phục cũ-chỉ, chất-phác tự-nhiên như một ông già cổ-thời. Nếu người khác ở địa-vị ông, chắc đã cầu kỳ bông-tâu cho có chức-phận nọ kia, và làm quảng-cáo rùm lên, nhưng ông khi rẽ hư danh không muốn. Bởi vậy có lúc người ta muốn vận-động xin chức Huyện-hàm cho ông, nhưng ông xua tay lắc đầu, nói cách thái-nhiên:

— Lạy cha! Để tôi làm một tên thường dân trọn đời.

Trên đây là kể lại những việc của ông Joseph Việt đối với xã-hội, bây giờ tưởng cũng nên nói cách ông đối đãi với thầy thợ trong sở.

Mấy mươi năm trường, làm chủ một cái nhà-in lớn ở đường d'Ormay, thầy thợ vào ra sở ấy kể có mấy ngàn, mà với ai, dầu lớn dầu nhỏ, ông cũng đối-dãi một cách tử-tế, như cha đối với con vậy.

Có công thì khen thưởng, có tội thì quở la, mỗi khi một người thợ có lỗi làm phạm sự, ông rầy la dữ lắm, nhưng đến khi người thợ ấy biết lỗi ăn năn, lộ vẻ buồn bực, là ông dùng lời ngon ngọt phủ úy liền.

Mỗi khi thầy thợ trong sở có khăn cầu ông giúp đỡ việc gì, dầu gặp cảnh khó khăn thế mấy, ông cũng làm cho anh em được toại lòng thỏa nguyện.

Ông là người giữ đạo Thiên-chúa, nhưng đối với thầy thợ nhà-in, ông không phân biệt người « nội » người « ngoại » gì hết; ai có tài nghệ và muốn làm việc với ông, nếu có chỗ dùng là ông nạp dụng cả.

Về việc tiền bạc, lương bổng của thợ thầy, bao giờ ông Jh Việt cũng tính toán công bình và sòng-phẳng hơn ai hết. Không oán dùng thì thôi, vì nếu phải cần dùng ai thì ông cũng trả tiền lương cân xứng với công làm, không biết ý quyền xé ép ai cả.

Gần đây, có nhiều anh em không có việc làm, đến xin ông giúp đỡ, ông liền bày ra in truyện sách bán rẻ tiền, cốt để kiếm công ăn việc làm cho anh em, chứ ông không kể lời lóm chích cả. Ông nói: « Tôi in truyện sách bán rẻ, tuy tôi không có lời, song đồng bào được có truyện sách rẻ tiền đọc chơi, mà mấy mươi ăn-công cũng có công việc làm để kiếm tiền mà sống lấy lấy cho qua hồi kinh-tế khủng-hoàng. »

Mới rồi, trong lúc bình nạng, biết thế nào cũng không qua khỏi, ông Joseph bèn cho gọi anh em thầy thợ đến bên giường, rồi gắng gượng nói:

— Mấy mươi năm trời gần gũi với nhau như con một nhà, nhưng nay mai tôi lại phải xa cách anh em, thiệt tôi đau lòng khôn xiết. Vậy trước khi từ biệt anh em, tôi xin cảm ơn hết thầy anh em đã giúp đỡ tôi gây dựng nên sự nghiệp, và đối với những người nào đã có bị tôi quở rầy trong công việc làm ăn, dầu ưng dầu oan, xin cũng vui lòng miễn chấp cho tôi về chỗ nóng giận đó. Thôi, xin anh em ở lại bình yên, rán làm việc siêng năng với con tôi, cũng như lúc tôi còn sanh tiền vậy...

Nói dứt lời, ông Joseph rung rung nước mắt, mà bao nhiêu anh em đứng gần bên ông cũng rơi lụy đầm đề.

Thật ôi! Trong mấy mươi năm trời, làm chủ nhà-in, cai quản mấy ngàn thầy thợ, sao cho khỏi thấy những người sơ sót bần phận, mà quở mà la; quở la rồi thấy anh em biết ăn năn sửa lỗi, thì dùng lời điệu ngọt khuyên lơn, thế cũng đã tốt lắm rồi. Ông Joseph lại còn, trước khi lâm chung, ăn cần xin lỗi anh em, thật khéo tỏ ra người có bụng nhơn từ, biết xét trước nghĩ sau, và đến giờ chót cũng không quên người có công ơn với nhà mình vậy.

Những việc trên đây chính miệng thầy thợ trong sở ông Joseph Việt đã từng nói với chúng tôi, nay ông mất đi anh em đều ngậm ngùi thương tiếc cũng phải.



Đó, một nhà từ-thiện như thế, chẳng phải rất đáng kính phục và đáng treo gương sáng cho các nhà doanh-nghiệp khác hay sao?

PHU-NỮ TAN-VĂN

Bồn-báo cần dùng những tờ giấy giao kèo và những bài, những sách cổ động cho hội M. E. O. là hội năm xưa đã góp tiền của đồng bào ta rất nhiều rồi đóng cửa.

Vì một việc ích lợi chung cho đồng bào ta, vì nào có những tờ giấy trên đây xin vui lòng gửi cho Bồn-báo mượn, chúng tôi rất cảm ơn.

P. N. T. V.

Mấy tiếng trong Nam mà ở Bắc gọi khác nhau

Gần đây Bồn-báo có tiếp được rất nhiều thơ của bạn đọc-giã ở Bắc gửi vô hỏi những tiếng gọi trong sách « Gia-chánh » mà phần nhiều chị em ở Bắc chưa hiểu. Vậy do theo một bức thơ của một bạn đọc-giã có kể rõ mấy tiếng khó hiểu, Bồn-báo xin cắt nghĩa rõ để trả lời chúng vào đây cho tiện. Trong sách Gia-chánh, trang 183 cũng đã có cắt nghĩa nhiều tiếng cần dùng rồi.

TIẾNG TRONG NAM	TIẾNG NGOÀI BẮC
Mè (mè rang)	Vừng (vừng rang)
Bùn tàu	Miến
Ngó (mấy cộng ngó)	Mùi (mấy cộng mùi)
Bếp	Lúa ngó
Muối bột (giống đường cát trắng)	Muối nhỏ (giống như đường cát trắng)
Dầu phộng	Dầu lạc
Đậu phộng	Đậu lạc
Nấm mèo	Mộc nhĩ
Hũ-ky lạc	Đậu phụ-chức
Củ năn	Củ mã-thầy
Hột ngó	Hột mùi
Xi-ron — Cach-xi-xa.	
(2 thứ này là đồ gia vị của Chà, hãy hỏi mua ở tiệm tạp-hóa chà-và (épicerie indienne).)	
Ngũ vị	Năm vị (hỏi ở tiệm thuốc Bắc)
Nước tàu yền	Sỉ dầu
Tép sả	Củ sả (citronnelle)
Nấm đông-cô	Nấm tổng-cô
Kim-châm	Hoa hiên
Bột năn	Bột mã thầy
Nấm thông	Nấm hương
Bột mì ngang	Bột mì
Bột măng thịt	Bột tẻ tốt
Rượu công xi	Rượu trắng uống thường (40dg)
Gạo cội	Gạo tốt không có lộn tằm
Tân mị	Bột mì
Nước cơm rượu	Nước rượu nếp tốt
Mật nang	Mai mực
Rau câu	Rau câu nấu ra thạch
Xu-xoa	Thạch

Ba chữ Hán sai

Kỳ báo trước, trong lời rao cạy các họa-sĩ vẽ cái bia báo « Xuân 1934 » có ba chữ Hán, khi lên máy in, thợ mới đặt vô, nhà báo không kịp coi lại, thành ra đáng lý ba chữ Xuân Giáp-tuất mà thợ lại sắp lộn ba chữ thung-thần-nhung như đọc-giã đã thấy. Ba chữ này với ba chữ kia nguyên Hán-tự viết gần giống nhau, thành ra thợ dễ lầm-lạc.

Vậy nay xin cải-chánh lại ba chữ 春甲戌 cho đúng. Chắc khi đọc chú ý đọc giả cũng đã tự cải-chánh giùm cho rồi.

P.N.T.V.

NHÂN-VẬT

Cô Lê-thị-Lựu

Tốt-nghiệp ở trường Mỹ-ngệ Hanói ra, cô Lê-thị-Lựu được công-chúng khắp ba kỳ chú ý một cách đặc-biệt. Không những là tài rặng trong nghề hội-họa của cô làm cho người ta lưu-tâm đến mà thôi đâu; cái nhân-cách ly-kỳ của vị nữ-sinh-viên trường Mỹ-ngệ làm cho dư-luận xôn-xao một độ.

Học nghề hội-họa trong trường này chỉ có cô là gái; ở về thời-kỳ quá-đo ngày nay của xã-hội An-nam, tất nhiên có không thể tránh được những sự bình-phẩm vô-vị của người bảo-thủ và kẻ ghen tị.

Công-chúng (hay là nói cho đúng hơn: một phần công-chúng) không thể nhận cho một người bạn gái có thiên-tài họa vào lụa những hình người khỏa-thân... Ngay đến nam-học-sanh cũng có nhiều người không thể thấy một bạn gái cởi xe đạp đi học mà không bực tức... Bọn Lê-công-Đắc vẫn còn đóng ở Hanói và suốt ba kỳ Annam.

Lê nữ-sĩ không thể vì hủ-tục mà chịu lùi. Một mình trong đám nam học-sinh bảo-thủ ấy, cô vừa biết chống lại sức đàn-áp của luân-lý cũ, vừa giữ được nhân cách hay của mình.

Bọn đàn-ông đa-cảm ưa than-thở cho « thân phận liễu-lồ », song gặp bạn gái hơn mình thì lại sinh ghen mà sầm-báng. Vì, cô Lê-thị-Lựu đã học xong năm năm nghề hội-họa, và đã được đồ thủ-khoa!

— Tại sao cô có tóc con?

— Tại... tôi vừa mới ở cử!

Người ta thuật lại rằng chỉ vì một câu nói đùa trên này mà sinh ra bao nhiêu lời dị-ngệ vô lối, do một mớ người vô-giá-trị truyền ra! Nó cũng đã làm nảy ra mấy bài đoán-thiên tiểu thuyết trong một vài cái báo quốc-âm...

Có một bọn văn-sĩ sống về nghề sầm-báng, cũng như con cá sống về trong nước...

Biết bao nhiêu bạn gái gặp những trở-lực của hủ-tục như cô Lê đã gặp mà phải chịu thua?

Nhưng nhà mỹ-thuật trẻ tuổi thường mặc cái áo-vải trắng dài kia cứ tiến-thủ trong đường huấn-luyện và bình-tĩnh mà nghe lời chỉ-trích xằng.

Ly kỳ thay là nhà nữ họa-sĩ họ Lê!

Ái đã được xem những tấm lụa của cô cho bày ở trên gác Đệ-Thiên Đệ-Thích trong cuộc đấu xảo thuộc-địa ở Paris vừa rồi; ai đã thường thức những

tranh vẽ người và vật (chọn trong đám bản-dân) của vị họa-sĩ thiếu-niên, đều lấy làm lạ thay cho khuynh-hướng của cô.

Vì sao vị « tiểu-thơ » xuất-thân trong hạng tiểu-tư-sân ấy lại lưu-ý tới hạng đàn-bà lao công, và vẽ trên tấm lụa những nét rất xinh của người không vận y-phục? Hình như cô Lê muốn bảo công-chúng rằng: phụ-nữ lao công ở thôn quê và thành-thị lam-lu suốt ngày, bị lợi-dụng không biết chừng nào mà vẫn còn đẹp.

Vì sao nhà mỹ-thuật ta lại thường thường tìm tài-liệu ở « Nhà thương bệnh bất-trị » và bọn ăn mày?

Cô hay để ý tới cử-dộng của người tàn-tật và đau-khổ, là những kẻ bị cái tự-nhiên và xã-hội ức-hiếp.

Cô trạng ra một cách tuyệt-diệu cử-chỉ và hành-dộng của người phải ăn xin...

Cái triết-lý của cô, cái quan-niệm về cuộc đời của cô ra thế nào?

Những người hiểu chuyện rất tâm-phục cô vì tài vẽ hay và vi phạm-cách.

Máy ra, cảnh-ngộ sẽ run rủi cô Lê thành một người họa-sĩ biết đem tài hay mà mô-tả cảnh đau-khổ của đám người lao công, và lẽ sinh-tồn cạnh-tranh của quần-chúng.

BÍCH-VÂN

Công-ty

Forvil

và

Docteur Pierre

Đủ thứ dầu thơm,
Phấn,
Savon rửa mặt,
Nước súc miệng,
Savon đánh răng.

Khắp nơi đều có bán lẻ.

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN:

INDOCHINE
IMPORT,
C. HUCHET

40-46 - Rue Pellerin - Saigon

« VĂN-MINH » QUẢ ĐỘ RỒI TRỞ LẠI DÃ-MẠN?

CHỦ-NGHĨA KHỎA- THÂN BÊN ĐỨC

Trong lúc nước ta nảy sinh nhiều tôn-giáo mới như: Cao-dài, Minh-lý, Minh-su, Ramakrishna thiên-chức... thì ở Âu-châu, cũng phát sinh một chủ-nghĩa mới rất lạ lùng kỳ-quái, chắc người mình ít ai tưởng-tượng tới.

Tôi muốn nói chủ-nghĩa khỏa-thân (trần-trưởng: le Nudisme) bên nước Đức.

Chủ-nghĩa khỏa-thân ở bên Đức hiện nay, có rất nhiều tín-đồ, rất thanh-vượng và coi mỗi ngày



một bành-trưởng thêm rộng lớn ra mãi.

Bài này không phải là một cái quảng-cáo cho chủ-nghĩa khỏa-thân, vì chúng tôi chưa dám quyết đoán chủ-nghĩa ấy phải trái thế nào, mà chủ tâm của chúng tôi là muốn thuật lại một cuộc điều-tra của một nhà làm báo Pháp đã có sang tận Berlin ta thủ-đo nước Đức và cũng là chỗ ở hang của chủ-nghĩa khỏa-thân, mà quang-sát, cho anh em chị em cùng biết vậ thôi.



Đến Berlin — lời nhà làm báo Pháp nói — tôi vào một cái nhà hàng lớn, sau khi kêu bồi đem cho một ly rượu bia (bière), tôi

bèn hỏi nhỏ tên ấy:

— Chắc trong nhà hàng này có nhiều người thơ chủ-nghĩa khỏa-thân (le culte de la nudité) vậy em có thể nào giới-thiệu cho qua một người hay chăng?

— Dạ được...

Tên ấy liếc mắt qua các bàn:

— Kia, ông ngồi một mình một bàn kia, chính là một tín-đồ nhiệt thành của chủ-nghĩa khỏa-thân đó. Ông ta lại có một chuyện ngộ lắm.

— Chuyện gì mà ngộ? Đâu em thuật lại cho qua nghe coi.

— Không có chi lạ. Một bữa kia, ông để mình trần-trưởng, lại nhờ quên đóng cửa sổ phứt. Người ở gần ông, một tên lính củ, dòm thấy thân-thể ông lồ-lồ, liền đem đơn kiện. Vụ kiện ấy ông bị Tòa phạt vạ đến 500 đồng marks (tiền nước Đức).

— Rồi ông ngả lòng, không theo chủ-nghĩa khỏa-thân nữa?

— Để không! Từ ấy trở đi ông đóng cửa sổ lại chớ.

— Được, qua cần làm quen với người đó lắm. Đâu em làm ơn lại hỏi coi ông có vui lòng cho

qua lại ngồi chung bàn và đàm đạo với ông không. Đây, em trao tấm danh-thiệp của qua cho ông xem luôn thế.

Tên bồi đi. Tôi thấy nó lại nói với ông nọ ít lời, rồi trao tấm danh-thiệp của tôi cho ông ấy. Ông nọ mỉm cười, ngó tên bồi, tôi hiểu là ông bằng lòng. Mà thiệt vậy, tên bồi trở lại, nói:

— Ông bảo mời ông lại.

Tôi vừa chào ông kia, kéo ghế ngồi đối-diện với ông, ông đã tự giới-thiệu:

— Heinrich Reichardt, nhà tài-chánh...

— Cảm ơn ông, và xin ông miễn chấp về sự đường đột. Được ngồi đàm đạo với ông, thật tôi lấy làm hân-hạnh vô cùng.

— Ông muốn hỏi tôi về việc chi, xin cứ hỏi.

— Tôi là một nhà viết báo Pháp, và tôi định đi điều-tra về chủ-nghĩa khỏa-thân ở Đức. Người ta bảo cho tôi biết ông là một tín-đồ của đạo mới ấy, tôi nghĩ có lẽ ông có thể giảng giải cho tôi được biết rõ một việc mà, tôi xin thủ-thật với ông, tôi chỉ mới biết qua loa vậy thôi.

Ông Reichardt cười:

— Ông nói có lý. Tôi rất vui lòng bày tỏ cho ông biết những việc ông muốn biết, chỉ trừ ra...

— Trừ ra...?

— Trừ ra một điều là ông không có ý tìm biết để mở cuộc phản đối t-kiến của chúng tôi mà thôi.

— Xin ông hãy an lòng. Tôi muốn làm một cuộc điều-tra vô tư, nghe thấy làm sao tôi sẽ thuật y lại như vậy, rồi để mặc tình đồng-bào tôi phán đoán.

— Vậy thì tốt lắm. Ông cứ việc hỏi tôi đi.

— Trước hết tôi xin ông tỏ cho tôi biết gốc tích đạo khổa thân (la Nacktkultur) phát sanh từ hồi nào?

— Có đã lâu lắm. Tôi muốn nói hồi thế-kỷ thứ năm, sau đức Chúa Giê-du hạ giảng. Hồi đời đó ở tại thành Rome (I-ta-li) có một thầy tu tên Pélégus, sau ông di-cư qua Phi-châu rồi về thành Jérusalem, đến 90 tuổi mới từ trần. Ấy, chính ông Pélégus là người dựng ra cái đạo khổa-thân trước như thế.

— Rồi sau không ai theo hết?

— Phải, không ai theo, nhưng đến năm 1890 (cách nay đã 43 năm) có một vị hiền-triết nước Đức là ông Gustav Nagel lại giữ việc ấy ra và cổ động một cách hăng hái.

— Có thành công kết-quả chẳng?

— Chút đỉnh... Nói cho ngay thì hai ba năm sau cuộc Âu-châu đình-chiến, đạo khổa-thân mới hành-trưởng ở nước Đức một cách bất ngờ. Hiện nay ở nước tôi có không biết bao nhiêu hội khổa-thân mà kể, nhưng chỉ có hai hội Pelagianer Bund và Bund fur Freikorperkultur là to lớn hơn hết. Hai hội này có hội-quan ở tại thành Berlin rất là đồ sộ.

— Ông có chân trong hai hội ấy chứ?

— Không, tôi vào một hội nhỏ, có lối ba mươi anh em vừa đàn ông, đàn bà và trẻ nhỏ.

— Theo ý ông, hiện nay trong nước Đức có bao nhiêu tín-đồ đạo ấy?

— Hai triệu chẵn, và mỗi ngày mỗi tăng lên mãi.

— Xin lỗi, vì lẽ gì mà ông lại thờ chủ-nghĩa khổa-thân như vậy?

— Ông nọ ngó tôi, lộ vẻ ngạc nhiên và nói:

— Vì lẽ gì? Chỉ tóm tắt nội trong một câu này: «Tạo-hóa sanh ta ra mình trần thân trụi, ta phải để trần truồng như vậy mà sống.»

— Nói như ông thì té ra ông muốn trở lại cách sanh-hoạt tự-nhiên theo đời thái-cổ hay sao?

— Thì vậy chứ sao! Chúng tôi phân-đối hẳn các thứ y-phục là vật của con người bày ra rất phiền phức, rất vô ích, chúng tôi cũng phân-đối luôn sự mặc cơ là một việc đồi phải ra trái.

«Thân thể con người phải tự do, thông thả... Đem y-phục mà ràn buộc nó ấy là người ta hành

hạ nó, giết cho nó chết. Nói tắt một lời là người ta xử tử nó...»

— Ông nói như vậy, chứ tôi biết có nhiều người mặc quần áo luôn cả đời, nhưng họ cũng sống đến trăm tuổi đó thì sao?

— Cái đó là số ít... chứ còn biết bao nhiêu người chết trong lúc trai-tràng? Ông nhớ lại coi, vì y-phục hoặc dư hoặc thiếu mà trẻ con phải bỏ mạng rồi... Các ông lương-y hiểu rõ việc ấy lắm, bởi vậy các ông mới dặn cha mẹ phải cho chúng tắm: nước, gió và mặt trời. Nhờ cách tắm đó mà người ta cứu biết bao nhiêu là con nít bệnh hoạn. Tuy vậy, đợi đến chúng đau rồi mới chữa theo phép vệ-sinh ấy, thì chi bằng hồi chúng mới lọt lòng mẹ ra, ta hãy tập lần cho chúng quen phép ở trần-truồng? Làm vậy, thân thể trẻ con sẽ quen chịu thời tiết: nóng, lạnh, ướt, át... Bọn mọi ở miền nhiệt-đới, bao giờ cũng để đầu trần, dang nắng mấy ngày mấy tháng chúng cũng chịu nổi, chứ còn một người phương Tây, nếu ở ngoài trời mà lột nón trong vài phút, đã sỗ mũi, nhức đầu, có khi phải chết.

«Sắp con chúng tôi không bao giờ biết như thế đâu, đau họng là gì cả. Vậy mà nếu bắt chúng nó phải mặc áo, đội nón, là chúng đau liền...»

— Ông nói phải. Nhưng đó là về phương-diện vệ-sanh, còn về phương-diện phong-hóa?

— Về phương-diện phong-hóa, cái thành-tích cũng không phải là ít đâu. Bất kỳ vật gì, nếu mình giấu-giếm thì lại làm cho người ta thêm dè ý tọc-mạch. Đem phơi bày nó ra, có còn ai thêm chú-ý đến làm chi. Ông không có ý coi, người ta càng giấu giếm cái đức tính bao nhiêu, lại càng làm cho trẻ nhỏ thêm tánh tọc mạch.

— Thiệt có như vậy!

— Còn người lớn? Nhiều con mắt xấu lắm! Họ ngó chăm chỉ vào ngực vào dít nhau, rồi tưởng-tượng đến mấy vật đang ẩn hình ở dưới mấy lớp lụa mỏng! Tôi dám nói, nếu hết thảy thiên hạ đều trần truồng, thì có lợi cho phong-hóa nhiều lắm, nhứt là lợi cho sức khỏe... Ông coi, thú vật nó có mặc y-phục gì đâu, mà nó cũng mạnh mẽ, da thịt nở nang, và nó cũng không hiểu sự nhột-nhật hổ-thẹn là gì cả.

— Nói như ông vậy, thì té ra bây giờ ta lại phải đổi cách sanh-hoạt của ta như thú vật hay sao?

— Không, sanh-hoạt theo lẽ tự-nhiên của tạo-hóa kia chứ.

— Công việc của một tín đồ đạo khổa-thân là thế nào?

— Chúng tôi tập ở trần truồng, ở chung với nhau thường chừng nào càng tốt chừng ấy. Chúng tôi có nhiều hồ tắm, và lúc tắm, ai cũng phải cởi tuộc quần áo hết.

— Tắm chung với nhau?

— Tự-nhiên. Đàn ông, đàn bà, trẻ nhỏ đều tắm chung với nhau một chỗ. Chúng tôi có nhà hội riêng để hội hiệp trong lúc mùa đông, và cũng có công-viên ở gần mé hồ, bãi biển, để chơi giỡn trong lúc mùa hạ. Chúng tôi phơi mình dưới bóng mặt trời và ở ngoài gió mát. Chúng tôi tập đủ các môn thể-thao, tập khiêu vũ và cũng dạy bảo nhau về khoa lãnh-giáo-dục (éducation sexuelle) vân vân...

— Còn lúc ở nhà?

— Ở nhà cũng không có mặc áo quần chi cả.

— Sở cảnh-sát không bắt buộc ông điều gì hết sao?

— Cũng có một hai khi có, và chính tôi đã có bị lôi thôi với họ hết một lần. Tuy vậy, khi nào chúng tôi chỉ hội hiệp người cùng đạo với nhau và trong nhà riêng, không để ai dòm ngó thấu, thì sở cảnh sát cũng chẳng can thiệp vào.

«Sở cảnh-sát ở đây coi bộ họ lườm lườm với chúng tôi lắm. Hôm nọ tôi quên đóng cửa sổ, làm phải tốn hết 500 đồng marks, và một người bạn của tôi cũng mới bị lôi ra tòa, làm xôn xao dư-luận dữ.»

«Số là hôm nọ, ông bạn tôi, một ông chủ ngân-hàng ở Berlin, để mình trần truồng ngồi dưới chiếc ghế trời linh đình giữa se hồ mà ăn cơm một cách thông thả lắm. Lúc bấy giờ tỉnh cơ có một viên chức sở cảnh-sát, dắt vợ đi chơi đến chỗ ấy, thấy vậy cho là tời phong bại tục, bèn làm đơn kiện ông bạn tôi tới tòa. Các báo ở lên dữ lắm, mà ông bạn tôi cũng tức cười thắm! Tôi còn

nhớ, lúc ấy có tờ báo Welt am Abend nói rằng nếu các quan tòa muốn hiểu rõ vụ kiện ấy, thì phải cho phép ông bạn tôi mặc thứ y-phục của ông Adam mà ra hầu tòa mới đúng cho! Báo Berliner Morgenpost cũng bình vực ông bạn tôi mà nói rằng, nếu ông viên-chức kia thấy ông chủ ngân-hàng nọ trần-truồng cho là khó chịu và chương mắt, thì sao không đi tránh chỗ khác, hoặc bảo vợ mình đi tránh đi, lại ngồi một chiếc ca-nốt ra giữa ao hồ mà fra hỏi danh tánh ông nọ được?»

— Sau ông chủ ngân hàng có bị phạt không?

— Tôi không rõ, nhưng tôi chắc phải bị.

Tôi cảm ơn ông Heinrich Reichardt đã cho tôi biết mấy điều về đạo khổa thân và xin ông vui lòng dẫn cho tôi đi xem các công viên là chỗ của các tín đồ khổa thân hội- hiệp chơi giỡn.

Ông nhận lời, hẹn với tôi đến bữa chúa nhật sẽ dẫn rước tôi đi quang-sát mấy chỗ ấy. Tôi cảm ơn ông, nhưng ông lại nói:

— Ông đừng cảm ơn tôi, vì tôi dám chắc khi ông thấy được công cuộc tổ chức của chúng tôi, ông sẽ vui lòng nhận ý-kiến chúng tôi là hay là phải, rồi chừng đó chúng tôi lại phải cảm ơn về mấy bài kỹ-thuật của ông viết đăng lên báo nữa chứ.

— Ông thiệt tử-tế quá. À, bữa đến viếng công viên kia, tôi có được phép mặc y-phục như thường vậy chẳng?

Ông Reichardt cười ngắc:

— Được, được. Với ông thì người ta cũng chằm chế mà.

Tôi mừng khôn xiết!

VIÊN-HOÀNH

Lời cảm ơn

Hội Dục-Anh chúng tôi thành lập hơn một năm nay, hiện nay đã mở được hai Viện, mỗi ngày thường nuôi được 50 đứa trẻ.

Công việc của hội chúng tôi được tiến-hành một cách mau lẹ như vậy là nhờ lòng sốt sắng của các nhà từ thiện xa gần và các nhà báo Tây Nam ở Saigon.

Bổn-hội xin kính lời cảm ơn hai ông Docteur Trần-văn-Độc và Trần-lân-Phát mới đây đã nhận chăm nom giúp cho Viện Dục-Anh số 2 của hội ở đường d'Ayot (Saigon).

HỘI DỤC-ANH CỦA PHỤ-NỮ VIỆT-NAM

Số Mùa Xuân 1934

Theo lệ thường năm, kể từ đây Bổn-báo đã dự bị bài vở và hình ảnh cho số báo Xuân 1934. Năm nay Bổn-báo định xuất bản làm 2 số:

1° Xuân Phụ-Nữ
2° Xuân Nhi-Đồng

Các bạn cảm tình và các bạn văn chương xa gần, có văn hay chuyện lạ, hình vui, ảnh đẹp, xin giúp tay cùng Bổn-báo. Bổn-báo sẽ tùy theo giá trị của bài vở, hình ảnh mà đền công xứng đáng.

P. N. T. V.

NỤ CƯỜI CỎ CỤC



— Chúng tôi cũng người ta như các cậu chứ! Các cậu làm gì mà ngó chòng chọc vậy?
— Các cô nói oan cho chúng tôi quá! Các cô ngó mồi chúng tôi, chúng tôi không rầy là may, sao các cô lại rầy ngược lại.
— Ô hay! chúng tôi ngó các cậu hồi nào?
— Quái chưa! Các cô không ngó chúng tôi thì làm sao các cô lại thấy chúng tôi ngó các cô chòng chọc?

Thực đơn của Phụ-nữ Tân-văn

CHẠO TÔM (1)

Tôm lột vỏ, xẻ một đường trên lưng, rút chỉ. Cha phèn và muối, rửa cho thật sạch rồi vắt ráo đem vỏ cối quết nhuyễn. Mỡ gáy heo lược chín xắt hoa. Riêng non đem nhỏ vắt lấy nước trộn vỏ tôm một chút cho thơm, một chút bột mì, muối và đường phèn tán nhỏ liện vỏ cho vừa. Các vật hiệp lại trộn cho đều rồi viên thành viên ghim vào cây ghim mà nướng.

Các món ăn với cháo:

Bánh trắng mỏng cắt vuông, hình chữ nhật trang cái lá cải diếp, cắt cho đều, muốn ăn khô hay dẻo tùy ý. Rau sống, salade, hẹ, chuối, khế, tỏi thái mỏng. Các vật bày lên đĩa với chén tương ngọt. Như nhà có cỗ mà muốn đãi món cháo này thì làm theo cách dưới đây mà đãi, khách ăn được tiện việc, và coi cũng lịch-sự lắm.

Rau sống cùng các thức sắp có thứ tự trên mặt cái bánh trắng đã nhúng nước trước cho dẻo. Khế chuối và tỏi thì phải thái thật mỏng và sắp liềm một hàng. Xong rồi cuốn tròn lại cho thật

(1) Muốn viên cháo có màu đẹp thì cho vỏ một chút màu đỏ

chặt, cắt khúc vắn độ 2 đốt tay.

Khách ngồi vào bàn, bàn đã có dọn sẵn tương, nước mắm và đĩa bánh cuốn rau, khi ấy sẽ có cháo nóng đem lên, khách sẽ gấp cuốn bánh rau mà ăn với viên cháo chấm với tương.

BÁNH CẨM-THẠCH

1 tô xu-xoa (thạch) đã rửa sạch.
1 tô nước lã.
8 lượng đường cát trắng.
2 cái hộp gà (lấy trong trắng)
1 chút vanille hay nước thơm (nước hồng cam).

CÁCH LÀM:

Đường, nước, xu-xoa và vanille đổ chung trong soon nấu cho sôi. Xu-xoa tan hết thì đánh trong trắng trứng gà trừ vỏ: vừa trúc vừa khuấy cho đều, đoạn nhất xuống.

Múc riêng ra một chút xu-xoa mà quấy màu. Phân làm hai chén màu: xanh và đỏ. (Màu làm bánh, ở tiệm khách trú có bán).

Đổ phần xu-xoa nhiều kia vào cái hộp rồi trúc 2 chén màu vào, lấy dũa quấy vài ba vòng cho màu nó kéo có vân như vân đá cẩm-thạch vậy.

Đề yên đứng đợi đợi nó; chừng nào xu-xoa nguội, đặc thì trúc ra, cắt từng miếng coi giống đá cẩm-thạch, khéo lắm!

BẠCH-TUYẾT

CHUYỆN VUI

Cần thận

Thằng Tấn nói với cha nó:

— Cha ơi! Cha ơi! Hồi tối này tôi ngủ tôi nằm chiêm bao, thấy cha mới mua cho tôi một cái xe máy tốt hết chỗ nói!

— Nói nhỏ nhỏ vậy! Mà mầy nghe được nó rầy tao « xài lớn » đa!

Xin lỗi

— Anh Tám, tôi xin lỗi anh nghe.

— Tại làm sao vậy? Em có làm gì mịch lòng anh đâu nà!

— Có chứ. Vợ tôi mới mua một thứ hàng thiệt đẹp mà mất lắm, bây giờ đây, nó đang qua nhà anh mà xúi chị ở bên hoan-ngĩnh kia kia.

Thịt và cá

— Anh Bường, anh biết không, trọn đời tôi, tôi chỉ ăn thịt rồng cho nên tôi mạnh như một con bò.

— Anh nói niếc! Chớ tôi đây, gần ba chục năm nay, tôi ăn rồng thứ cá, mà tại làm sao tôi chưa biết lợi?

Hiếu lắm

Thầy X... đến thầy Y...bạn chí-thân, nắm tay bạn mà nói một cách thâm thiết:

— Anh ơi, tôi rui quá, mới làm mất hết năm trăm đồng tiền kết, tôi chỉ còn trông cậy nơi anh mà thôi!...

Thầy Y nghe bạn nói, mới nói một cách thiết yếu:

— Anh đừng nói nữa đau lòng, tôi hiểu rồi. Để tôi đưa cây súng sáu của tôi cho anh.

Vợ chồng mới

Có. — Bây giờ có tôi, có nhà cửa rồi, mình có khi nào tiếc cái đời độc-thân của mình lúc trước không?

Thầy. — Tiếc làm sao được mình! Hồi đó ở đâu với họ, họ cho ăn nuốt không vô mà!

Thông-minh vốn sẵn tính trời

— Nè, chú nó, chẳng giấu chi với chú nó, ở nhà tôi thông-minh lắm! Với một chuyện mà nó có thể nói trong hơn một giờ.

— Anh nói thật tình với tôi - thì tôi cũng dám kể tâm sự cho anh nghe. Ở nhà tôi còn thông-minh hơn nữa. Nó có thể nói rồng rã trong hơn một giờ mà không có câu chuyện nào hết chớ!

Hướng-ứng với Phụ-nữ Tân-văn xướng xuất việc lập Nữ-lưu Học-hội

Một bạn đọc-giả của Bồn-báo là cô Lê-thị-Quý ở Saigon, khi hay tin chúng tôi sắp tổ-chức Nữ-lưu Học-hội thì rất nhiệt thành hoan nghinh. Bồn-báo xin trích một đoạn trong bức thư của cô đã gửi cho Bồn-báo, để tỏ ra sự lập Nữ-lưu Học-hội là cần thiết cho phụ-nữ nước nhà lắm.

B. B.

Quý báo đã xướng-xuất lập những công-trình như viện Dục-anh, Học-bằng cho học trò nghèo, làm cho phụ-nữ Việt-nam nhà được dịp dự vào sự hoạt-dộng xã-hội; nay lại xướng-xuất việc lập Nữ-lưu Học-hội, chúng tôi là bạn đọc-giả tín-thành của báo Phụ-nữ rất là cảm-dộng và tán-thành.

Cũng như lần trước, quý báo hiệu-triệu các bạn nam nữ đồng-chí chung lưng đấu cật để thiết-hành, chúng tôi dám mong rằng nhiều bạn sẽ vui lòng mà hưởng-ứng để cho phụ-nữ Annam lại lập thành được Nữ-lưu Học-hội.

Về phần chúng tôi, ngay từ bây giờ chúng tôi hứa rằng sẽ hết sức cõ-dộng cho công việc này và sẽ hiệp cùng quý mà tổ-chức cho chóng thành-công.

Mlle Lê-thị-Quý

Hai bạn đồng-nghiep mới

Ngày sáu 6 Octobre, báo « Thanh-niên » của ông Phạm-hữu-Khanh ở Hanói đã ra đời, có ông Ngạc-văn-Đông làm chủ - nhiệm. « Thanh-niên » ra mỗi tuần 2 kỳ, vào ngày thứ ba và thứ sáu. Mỗi số có 8 trương, có nhiều chuyện vui, hình giễu, và chỉ bán có 3 xu một số.

Ngày 15 Octobre, « Niết-bàn tạp-chí » cũng đã ra số đầu, đóng thành tập, có 36 trương. Tôn chỉ của N. B. T. C. là giúp thêm cho thiện-nam tín-nữ một ánh-sáng về đường Đạo, giảng giải các vấn-đề thuộc về Tôn-giáo.

Niết-bàn tạp-chí xuất-bản mỗi tháng 2 lần, giá bán một năm 2\$50; sáu tháng 1\$30; mỗi số 0\$12.

Mua tạp-chí do nơi M. Nguyễn-văn-Lượng, 27 đường Verdun, Saigon.

Phụ-nữ Tân-văn xin chào mừng hai đồng-nghiep và chúc cho hai bạn được trường-thọ.

DỊCH THO' TÂY

Nhà thi-sĩ với vết thương tâm

Dầu xuân-thời gặp cơn cay-dắng,
Cùng tha-hở mặc đắng Hóa-công.
Sá chi mấy vết thương lòng :
Đau-thương càng lắm, tâm lòng thêm cao.
Này thi-sĩ, lẽ nào lặng tiếng :
Những thơ hay, luân-chuyển trên đời,
Há không phải cái ngậm-người,
Cái câu tuyệt-vọng, sứt-sùi, thiết-tha !
Lước sương chiều, đường-nga bay mỗi,
Về bờ lau, con dơi ra khơi,
Nhắc trông mặt nước xa vời,
Đã toan chia sẻ miếng mồi cùng chá :
Tiếng vang mòng, chạy ra đón rước,
Mỏ trên đầu tha-thuật gớm ghê.
Chà lên tàn đã dựa kê,
Rủ dơi cánh nặng mà che oon minh.
Anh cầu trông trời xanh, áo-não,
Ngực ban thối bàng máu tuôn rơi ;
Hoài công mò-lặn bề khơi,
Bề khơi những nước, bãi bờ vắng-tanh !
Đem quĩ tim đã dành cho trẻ,
Trên đá, sâu, lặng-lẽ ngả-nghiêng.
Cam tâm chia khúc ruột mềm,
Vi tình cao-thượng, người niếm đau thương.
Liếc mắt xanh theo hàng máu cuống,
Trong vũng hồng, chân lưỡng lao-đào.
Đã ghê vì mấy giọt đào,
Vui con khôi dơi, gan bảo cách xa.
Chồn hi-sanh đã quá quá mỗi,
E con không nở cỗi tấm tình ;
Gượng mình gương cánh bay lên,
Đập tim, rang tiếng rĩ-rên trên không.
Giọng từ-trần nào-nồng, đêm tối,
Khiến đoàn chim cũng vội lìa bờ,
Cùng anh du-khách thần-thơ,
Nghe qua rớn-ốc, ngẩn-ngơ vái Trời.

Đời thi-sĩ là đời như thế,
Mặc dầu ai vui-vẻ một thì ;
Đời đời mấy khúc ca-thi,
Nghĩ ra nào có khác gì chim kia.
Nỗi sầu thâm, ai-bi, thất-vọng,
Cái nghiệp-tình với giọng khổ-thương
Xuyên tâm như lưới gươm trường,
Phải nào mấy bản cầm-chương vui lòng ;
Gươm kia vung-nhoáng trên không :
Nghe thu mấy hạt máu hồng vẫn sa.

HỒ-VĂN-HẢO

Le poète et la douleur

Quel que soit le souci que ta jeunesse endure,
Laisse-la s'élargir, cette sainte blessure
Que les noirs séraphins t'ont faite au fond du cœur :
Rien ne nous rend si grands qu'une grande douleur.
Mais, pour en être atteint, ne crois pas, ô poète,
Que ta voix ici-bas doive rester muette.
Les plus désespérés sont les chants les plus beaux,
Et j'en sais d'immortels qui sont de purs sanglots.

Lorsque le pélican, lassé d'un long voyage,
Dans les brouillards du soir retourne à ses roseaux,
Ses petits affamés courent sur le rivage,
En le voyant au loin s'abattre sur les eaux.
Déjà, croyant saisir et partager leur proie,
Ils courent à leur père avec des cris de joie
En secouant leur becs sur leurs goitres hideux.
Lui, gagnant à pas lents une roche élevée,
De son aile pendante abritant sa couvée,
Pêcheur mélancolique, il regarde les cieux.
Le sang coule à longs flots de sa poitrine ouverte ;
En vain il a des mers fouillé la profondeur :
L'océan était vide et la plage déserte ;
Pour toute nourriture il apporte son cœur.
Sombre et silencieux, étendu sur la pierre,
Partageant à ses fils ses entrailles de père,
Dans son amour sublime il berce sa douleur ;
Et, regardant couler sa sanglante mamelle,
Sur son festin de mort il s'affaisse et chancelle,
Ivre de volupté, de tendresse et d'horreur.
Mais, parfois, au milieu du divin sacrifice,
Fatigué de mourir dans un trop long supplice,
Il craint que ses enfants ne le laissent vivant ;
Alors, il se soulève, ouvre son aile au vent,
Et, se frappant le cœur avec un cri sauvage,
Il pousse dans la nuit un si funèbre adieu,
Que les oiseaux des mers désertent le rivage,
Et que le voyageur, attardé sur la plage,
Sentant passer la mort, se recommande à Dieu.

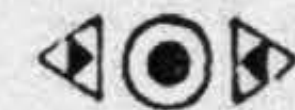
Poète, c'est ainsi que font les grands poètes.
Ils laissent s'égayer ceux qui vivent un temps ;
Mais les festins humains qu'ils servent à leurs fêtes,
Ressemblent la plupart à ceux des pélicans.
Quand ils parlent ainsi d'espérances trompées,
De tristesse et d'oubli, d'amour et de malheur,
Ce n'est pas un concert à dilater le cœur.
Leurs déclamations sont comme des épées ;
Elles tracent dans l'air un cercle éblouissant :
Mais il y pend toujours quelque goutte de sang.

A DE MUSSET



CHUYỆN XƯA NÊN BIẾT

MỘT BÀ GIÀ BỊ MẮT TRỘM MÀY TẮM VẢI, TRÁCH VUA VÀ QUAN TÊ TƯỚNG



Xưa nay, ở đâu cũng vậy, trộm cướp sanh ra lung tung, khiến cho lương-dân ban ngày không được ở yên, ban đêm chẳng ngủ ngon giấc.
Chuyện này về đời Đông-Châu nước Tàu là đời có nhiều thánh-nhơn, hiền-tướng, nghĩa-sĩ, lương-thế, tưởng không có đời nào nước nào bằng.

Quan đại-phu nước Sở là Giang-Ất có bà mẹ hiền. Hồi đời vua Cung-vương, Giang-Ất làm đại-phu đất Sinh (là chỗ phụ-thuộc vào kinh thành nhà vua), có kẻ vào trong cung vua lấy trộm đồ vật. Quan lĩnh-doãn (tức là quan tề-tướng) buộc tội cho Giang-Ất, vì Giang-Ất làm quan trấn-thủ chỗ này sao lại để cho kẻ trộm vô tội hoàng-cung lấy đồ được, bởi vậy lĩnh-doãn xin vua cách chức Giang-Ất.

Giang-Ất mất quan về ở nhà ít lâu, bà mẹ bị kẻ trộm len vào nhà lấy hết 8 tấm vải ; bà liền xin vào châu vua mà tâu rằng :

— Đêm rồi nhà thiếp mất trộm 8 tấm vải, chính là quan lĩnh-doãn lấy trộm chứ không ai lạ vô đó. Cúi xin hoàng-thượng xét cho.

Bấy giờ Sở-vương đang ngự trên cái đài nhỏ trong vườn ngự-uyên, có quan lĩnh-doãn đứng hầu một bên. Nghe bà mẹ Giang-Ất tâu lạ như vậy, thì Sở-vương phán rằng :

— Nếu mu chắc là lĩnh-doãn ăn trộm vải của mu mà có chứng cớ, thì quả-nhơn cũng không vì nê chức tước phú quý của lĩnh doãn mà không làm tội để tỏ phép công của nhà nước. Còn nếu lĩnh-doãn không ăn trộm mà mu nói vu, thì nước Sở đã có luật phép để xử tội vu cáo đó, mu có biết không ?

Bà mẹ Giang-Ất tâu :

— Chính mình lĩnh-doãn không đi ăn trộm, nhưng mà ông ta sai người đi lấy trộm của dân.

Vua hỏi :

— Sai người đi lấy trộm bằng cách nào ?

Bà mẹ Giang-Ất nói :

— Tâu chúa-công : Ngày xưa Tôn-thức-Ngao làm chức lĩnh-doãn, ra ngoài đường người ta không thêm lượng của roi, đem lại người ta bỏ cửa mà ngủ, chứ không phải đóng ; trộm cướp tự nhiên biến hết, muốn dân được lạc nghiệp an-cư. Đến bây giờ quan lĩnh-doãn này cầm quyền nhà nước, tại mắt không sáng, trộm cướp công-hành, vì đó cho nên mới để cho kẻ trộm lấy trộm được vải của thiếp, vậy thì có khác chi ông ta sai đi ăn trộm đâu.

Sở-vương phán rằng :

— Lĩnh-doãn ở trên, trộm cướp ở dưới, việc của chúng làm, lĩnh-doãn không biết, thế thì lĩnh-doãn có liên lụy gì sao ?

Bà mẹ Giang-Ất than dài và tâu :

— Trời ơi ! Đại-vương nói gì lạ vậy. Lúc trước con của thiếp làm đại-phu đất Sinh, có kẻ vào trong hoàng-cung trộm đồ, mà con của thiếp bị cách chức, vậy con thiếp há biết việc đó sao, thế mà nó cũng bị tội đó. Nay lĩnh-doãn là người gì, mà không biết lấy việc thiếp bị mất trộm bây giờ là lỗi của mình hay sao ? Xưa kia Võ-vương có nói : « Trăm họ có lỗi, ở một mình ta. » Thiệt vậy, bề trên không sáng, thì kẻ dưới không trị ; có quan tề-tướng không hiền thì nhà nước không yên. Bảo rằng nước không có người, chẳng phải là không có người đâu, chỉ là không có người biết sửa trị mà thôi vậy. Xin đại-vương thử xét.

Sở-vương nghe rồi, nét mặt vui vẻ, phán rằng :

— Hay ! Chẳng phải người đàn bà này chê lĩnh-doãn mà thôi, lại có ý trách luôn cả quả-nhơn nữa.

Rồi Sở-vương liền sai quan coi kho, đem đủ số vải ra thưởng lại cho bà mẹ Giang-Ất, và lại cho

thêm 10 nên vắng để thưởng mấy lời nói hay của bà đó.

Song bà từ chối cả vài lần vàng, và nói rằng :

Thiếp có phải vì hăm của mà tới bày tỏ lẽ phải cùng đại-vương đâu. Thiếp chỉ oán quan lịnh doãn không biết trị nước đó thôi.

Nói rồi liền bỏ đi ra, không chịu nhận lấy của vua ban cho.

Sở-vương thấy vậy than rằng :

— Người mẹ khôn ngoan như thế, chắc người con chẳng phải là ngu.

Đoạn, vua lại vời Giang-Ất ra, cho làm quan như cũ.

Ai thấy chuyện này cũng đều phục bà Giang-mẫu khéo lấy lời can vua, luôn dịp để rửa sạch tiếng tăm cho con mình nữa. Có người làm mấy lời ca-tụng hiển-đức của bà như vậy :

Giang-Ất thất-vị, 江乙失位
Ất mẫu động tâm 乙母動心
Kỷ quy gia xứ, 既歸家處
Vong bố bát tâm, 亡布八尋
Chỉ trách lịnh-doãn 指責令尹
Từ thạm hữu độ, 辭甚有度
Vương phục dụng 王復用乙
Từ mẫu kim bố. 賜母金布

Nghĩa là:

Giang-Ất mất ngôi,
Bà mẹ ái ngại.
Đã về ở nhà,
Mất tám tám vải.
Bà trách lịnh-doãn,
Lời nói rất phải,
Vua thưởng vải vàng,
Dùng Ất trở lại.

Ta xem chuyện này nên biết đời xưa tuy là quân chủ mặc lòng, nhưng mà vua với dân được thân cận với nhau, nếu dân có việc gì oan ức, có thể trực đạt vào trước mặt vua mà kêu ca bày tỏ đặng. Có dân như quân-chủ đời sau, ông vua bày đặt ra quá trớn nghiêm cách trở, đến đời dân không được gần, nếu ai tới gần thì bị tội khi quân phàm thượng, thành ra quan lại tham tàn, nhờn-dân oan khổ, mà vua ở trên sao xa cách trở, đâu có hay biết. Chỗ đó thật là cái khuyết điểm của quân-chủ đời sau, chứ chỉ quân-chủ đời sau, cũng như quân-chủ đời Tam-dị trở về trước, thì phước cho dân lợi cho nước biết là chừng nào.

Cuộc thi bìa báo Phụ-nữ số mùa xuân 1934

Muốn có được cái bìa số Xuân 1934 cho thiết tốt đẹp, nên Bồn-báo xin mở một cuộc thi như năm 1932.

Ấy là một việc làm có ích lợi cả đôi bên, phần Bồn-báo thì sẽ có được một cái bìa xinh đẹp; mà các nhà dự thi thì có một dịp để cho các ngài tranh tài.

Bồn-báo xin đặt ra 2 giải thưởng :

Giải nhất 30\$00. (1)

Giải nhì một năm Phụ-nữ Tân-văn.

Thề lệ:

1. Bìa báo Phụ-nữ số mùa xuân.
2. Bức vẽ phải vừa đúng cỡ bìa báo Phụ-nữ Tân-văn.
3. Vẽ không được quá 3 màu.

(Tuy là 3 màu, mà nhà hội-họa khéo sắp đặt cũng thành nhiều màu, vì màu này màu kia chồng lên màu kia thì ra thêm được một màu khác).

4. Trong bức vẽ phải có những chữ sau đây tùy ý nhà hội họa-sắp đặt :

PHỤ NỮ TAN VĂN

Xuân 1934

Muốn thêm: 春 甲 戌 cũng được.

5. Hạn ngày thầu bài thi đến 10 Decembre 1933 thì hết.
6. Mỗi bức vẽ dự thi xin đề địa-chỉ phía sau.

P. N. T. V.

(1) Giải nhất hồi năm 1932 là 50\$ ông họa-sư Trần-lý-Hoàng ở Sadec đã lãnh được. Năm nay vì nạn kinh-tế, Bồn-báo phải tạm định lại như thế.

Hí-tín

Mới hay tin hôm ngày 26 Octobre 1933, ông bà Phạm-quang-Khaph, Thông-phán thượng hạng sở Thương-chánh hồi-hưu, Thị-độc Học-sĩ ở Hanói, đã làm lễ thành-hôn cho con trai là M. Phạm-quang-Phúc Tri-huyện Thạch-thất (Sơn-tây) sánh duyên cùng cô Nguyễn-Bích-Đào, con gái bà hương-phụ Nguyễn-tài-Dương, ở đường Chanvre số 42, Hanói. Phụ nữ Tân-văn xin chúc cho tân-lang và tân-nhơn bách niên hảo hiệp.

P. N. V. T.

Một bài toán tuổi rất lạ

Toán biết được cả năm tuổi và ngày sanh tháng đẻ

Những cách toán tuổi, chắc xưa nay chị em đã từng thấy nhiều biết nhiều. Song cách nào cũng chỉ biết được năm tuổi là cùng, chứ không toán ra hơn được nữa.

Có người nói như vậy rất phải :

— Đoán tuổi mà không đoán được cả ngày sanh tháng đẻ thì có tài lạ gì đâu ?

Muốn bỏ vô chỗ thiếu sót đó, chúng tôi ra công tìm tòi kẻ cứu, mới kiếm thấy được một cách toán tuổi ngộ nghĩnh thú vị, có thể đoán ra được cả ngày sanh tháng đẻ của mỗi người nữa. Không những đã đoán ra được chị em sanh năm nào, mà chúng tôi còn biết rõ chị em sanh vào tháng mấy ngày mấy trong năm đó. Vậy bài toán kỳ quái này chắc hẳn độc-giã muốn biết lắm.

Bài toán làm như vậy:

Ai đổ mình đoán tuổi họ, thì mình đưa cho họ miếng giấy và cây viết, bảo họ viết ngày sanh của họ trên miếng giấy, mà viết một cách giữ kín, đừng cho mình hay.

Chứng họ viết rồi thì mình bảo họ làm như sau này :

— Tôi xin có gấp đôi (doubler) con số ngày sanh tháng đẻ của cô lên. Nó tổng-cộng được bao nhiêu tôi không biết, nhưng tôi chỉ xin có thêm vô cho con số 5. À, có thêm con số 5 vô số tổng-cộng rồi phải không ? Vậy bây giờ cô làm ơn nhơn con số ấy với 50. Kết-quả được bao nhiêu tôi cũng không hay, và tôi cũng chẳng cần phải biết. Thôi, bây giờ xin có thêm vô con số của tháng mấy mà cô sanh ra đời. (Ví dụ cô sanh tháng giêng thì biên số 1, tháng hai thì số 2, v. v...) Rồi chưa ? Rồi thì có lại thêm vô hai con 0 ở cuối cùng cái số kết-quả đó.

Đoạn cô lấy con số kết-quả đó mà trừ với số tuổi của cô cách một năm nay. Thế là xong. Xin cô cho tôi biết số thành sau hết (résultat final) là bao nhiêu, tự nhiên tôi đoán ra được ngày sanh tháng đẻ và tuổi của cô, không sai một ly. Để cô coi phép toán của tôi có thần-diệu hay không cho biết nghe.

Bây giờ mình đem con số 24868 là con số làm chia khóa mở màn bí-mật (nombre-clef) mà trừ với con số sau hết mà người ta đã chỉ cho mình hay đó. Còn lại bất cứ bao nhiêu, mình cứ phân

ra làm ba khúc, mỗi khúc hai con số, kể từ tay mặt qua phía tay trái.

Khúc đầu là năm sanh ra :

Khúc giữa là tháng đẻ;

Khúc thứ ba là chính hóm sanh-như.

Phép toán này như vậy đó; có đều chỉ nói thuyết-lý mà thôi, có lẽ độc-giã lấy làm rộn trí khó hiểu và khó nhớ, vậy đây chúng tôi xin cử ra một bài làm biện-chứng, tự nhiên độc-giã thấy liền.

Ví-dụ một người sanh ra ngày 21 tháng 5 năm 1890.

Người ấy bắt đầu viết ngày sanh, nghĩa là số 21. Gấp đôi lên thành ra 42, rồi thêm vô số 5 nữa, thành ra 47. Giờ người ấy nhơn số 47 với 50, thành ra con số 2350. Chừng đó mới thêm vô con số của tháng đẻ, là con số 5, thành ra 2355. Lại thêm hai con 0 ở sau hết, thành ra 23500. Rồi trừ với số tuổi cách một năm rồi, nghĩa là 42 tuổi, thì còn lại 235458.

Đến đây người đổ cho mình biết con số 235458, là xong việc của họ, giờ tới mình làm toán.

Mình đem con số chia-khoá bí-mật là con số 24868 mà trừ với con số trên đây, thì sẽ thấy số còn dư lại là : 210590.

Thế là lời bí-mật ra rồi. Mình phân hàng số 210590 ra làm ba khúc như vậy :

21 - 05 - 90.

Vậy nghĩa là người đổ mình đã sanh ra ngày 21 tháng 5 năm 1890.

Nghĩ có ngộ nghĩnh lạ lùng không ?

Cách làm toán này tuy bề ngoài ngộ như rắc rối khó khăn, mà kỳ thiệt là dễ dàng mình bạch hết sức. Có đều ta phải nên chú ý ghi nhớ nhìn nhận hai khoản tối-yếu này :

Khi trừ với con số 24868, kể từ tay mặt lại, con số năm thứ ba, nghĩa là số 8 năm chính giữa, bao giờ cũng phải kể nó là số 9, đầu cho lúc trừ con số thứ nhì, mà không có một đơn-vị phải nhớ đem qua trừ số sau (retenue de l'unité) cũng vậy. Một điều nhất định phải nhớ là con 8 chính giữa luôn luôn kể nó là 9.

Và lại khi bảo : người ta trừ với số tuổi một năm trước, thì chỉ cần có nội con số năm mà thôi.

Còn đều nên ghi nhớ nữa : Số 24868 là số làm chia khóa cho năm 1933. Còn với những năm sẽ tới : 1934, 35, 36, v. v... thì mỗi năm phải giảm bớt một số mới đặng.

ÔNG CỔ ĐẠO

của TÔ-NƯƠNG-TỬ

Ài ở quận H.C. tỉnh Biên-hòa mà chẳng biết nhà ông cả Hai là người giàu có. Nghe người ta đồn trong nhà ông, có một cái tủ sắt thiệt lớn, không thua gì tủ nhà Bàng, trong tủ không kể gì vàng nện và bạc đồng, cứ kể bạc giấy một trăm, hai chục, thì bó nào bó nấy, lớn như cái gối xếp vậy. Quán gian nghe mà thèm.

Nhưng mà khó lắm. Nhà ông rất kỳ lưỡng. Tuy là ở trước sông, bên chợ, song bao giờ ông bà cũng cần thận, trước khi đi ngủ bao giờ cũng rọi nhà từ-tế: nạo dưới bàn, dưới ngựa, trên bàn thờ cũng có ánh sáng đèn tự tay ông soi xét. Ý hẳn ông cũng nghe nói ở miệt Hậu-giang, có thằng Ngô-ma ăn trộm thần tình. Nó vào nhà ai nó bám ở dưới bàn, sát như con thần-lân khó mà thấy nó được.

Bao giờ cũng như vậy, sau giờ đọc kinh (vì ông là người có đạo) lối vào tám giờ tối, thì bao nhiêu cửa nhà ông sập lại, then khóa tự tay ông gài tấn cực kỳ cẩn thận, rồi thì ông bà lên lầu, từng dưới thì hai cậu con trai ông bà ngủ.

Có một chiều kia, trời vừa sấm sấm tối. Người ta thấy có một ông cổ đạo với hai người học trò nón đen, áo đen, quần trắng, khiêng một cái rương xam xam đi vào nhà ông. Hai ông bà chỉ xiết mừng rỡ, vội ra chào mừng và mời ông cổ rằng: « Thưa cha, không mấy khi cha quá bộ đến đây, vợ chồng con xin mời cha ở lại dùng với chúng con một bữa cơm thường và nghỉ lại một đêm đặng sáng sớm mai làm lễ tại nhà con cũng được. »

— Cảm ơn ông bà, có lòng mời. Song tôi mắc chút việc không thể ở được. Tôi đến đây có ý đề gởi ông bà một số tiền nần (vừa nói vừa móc bóp lấy ra một xấp giấy năm trăm bạc) và cái rương

áo, và đồ lễ, sáng mai chúng tôi sẽ lại lấy. Đáng lẽ chúng tôi cũng xin ngủ nhờ ông bà một tối, để sáng đi luôn. Nhưng lúc này vừa bước xuống xe, lại có người bỗng chạy lại nắm nỉ mời đi làm phước giùm cho kẻ liệt ở làng xa kia. Vì vậy ở chỗ đường rừng sợ đem tiền bạc đi theo trong mình bất tiện.

Ông Cả cầm số bạc vừa đếm vừa chia đưa lại cho bà Cả mà rằng: « Bà nó đem cất số tiền của cha đi và kêu người nhà ra khiêng cái rương vào nhà. »

— Thôi bà, khỏi phiền đến người nhà làm gì. Hai thằng học trò tôi khiêng cũng được.

Rồi cha lại quay vô hai cậu học trò La-tinh mà biểu:

— Hai con khiêng cái rương vô để trong nhà, khiêng cho khéo con, coi chừng hư đồ lễ hết.

Vì kính trọng cha và qui các đồ vật của Thánh, ông Cả bà Cả, xin với cha biểu để lên trên bộ ngựa cho khỏi ẩm thấp.

Đầu đấy xong xuôi, ông cổ và hai cậu học trò cúi đầu chào ông bà và hai cậu con ra đi.

Nhà ông Cả bữa đó cũng cứ lệ thường, đọc kinh rồi ngủ.

Sáng bữa sau, kẻ đi người lại, đầu chợ cuối chợ, chỗ nào cũng nghe xì xào nói chuyện nhà ông Cả, hồi đêm này, bị ăn cướp đánh. Có người hỏi: « Ăn cướp đánh có ai nghe không? Sao không ai tiếp cứu. » Thì nhiều người đàn bà, trả lời có vẻ lo sợ, ngơ ngác rằng: « Lạ lắm, lạ lắm, vụ ăn cướp này êm như ru. Không ai hay ai biết. Không hư cửa nẻo gì cả. Người ta biết được là nhờ có mấy anh đi câu cá ở bờ sông, lúc sáng thấy một tốp bốn người bị trời ké, nằm một đồng ở trên bờ sông. Họ lại coi thì ra ông Cả bà Cả và hai cậu con. Dắt ông bà về nhà coi lại đồ đạc thì bao nhiêu giấy bạc nó lấy hết rồi. Coi lại cái rương thì ra rương rỗng. Trong còn bỏ sót lại một gói thuốc xông cho mẹ đi mà thôi. Cổ đạo và học trò cùng đồng đảng đã vào rừng rồi đi thẳng. »

Mua Ngay Bán Thàng

Các nhà buôn sách vở giấy, mực và các học-sanh muốn mua đồ rẻ mà lại đủ thứ xin mời lại nhà in chúng tôi, sẽ đặng vừa lòng, vì hàng của chúng tôi mua sỉ tại các nhà chế tạo bên Tây và ngoại quốc rất nhiều, nên được giá hạ mà đồ lại tốt. Ở xa xin viết thư hỏi mục lục.

Mới xuất bản bộ trường thiên tiểu-thuyết « Sông linh » tác-giả Cẩm-Tâm trọn bộ 1p.80.

TÍN-ĐỨC-THU-XÃ

37-38-39, Sabourain, Saigon

P. NGUYỄN-VĂN-CHÂU

Môn bài 18, đại-lộ Gallieni

SAIGON

26 - QUAI PIQUET - PHNOM-PENH

là nhà chuyên môn về nghề đóng bìa sách và đủ các thứ hộp bằng carton

Giá rẻ hơn các nơi



Trận lửa đốt tiêu 80 ngàn đồng.

Trong lúc miền nam Trung-kỳ có bão, Saigon-Cholon trời mưa lai rai luôn, thế mà hồi 10 giờ đêm thứ bảy 14 Octobre ở Cholon có đám hỏa hoạn thiệt lớn. Lửa phát cháy ở nhà Sam-si-Phi là chỗ M. Táng-quang-Di chứa trữ đồ phụ-tùng xe-hơi rất dữ, với rỗng chứa thiệt lâu mới tắt. Coi lại sự thiệt hại đến 80 ngàn đồng.

Miền nam Trung-kỳ bị bão.

Bữa thứ bảy 14 Octobre và ba bốn ngày kế đó, ở Saigon trời mưa không dứt hết, đường sá nhớt lầy rất là khó chịu. Người ta nghĩ có bão không xa, mà thiệt, có bão ở miền nam Trung-kỳ, không biết có thiệt hại đến mạng người chăng, chứ tổn hao tiền của thì chắc không phải ít. Con đường Saigon-Dalat bị nước ngập hư nhiều chặng, bên đó Dànhim bị nước tống trôi mất. Ở Huế cũng có mưa lớn người ta sợ nước dâng cao, con đường số 1 bị hư nhiều chỗ, từ Tourane tới Thanh-hóa không đi được. Quan Công-sứ Hà-tĩnh có cho hay rằng ở Hương-khê và Hương-sơn có lụt lớn hơn mấy lần trước hết.

Tàu đi cũng bị trận bão này làm ngăn trở: hai chiếc Chenonceaux và Amboise phải chạy đi trễ, còn tàu Cap Saint Jacques thì nấp ở vịnh d'Ayot khá lâu mới về Saigon được.

Các nhà hảo tâm hãy chú ý.

Ban Cứu-tế thất-nghiệp yêu cầu các nhà từ-thiện trong Thành-phố nếu có giúp cho ban vật chi, xin hãy gởi ngay đến hội-quán tại Xã-tây Saigon cho tiện.

Nếu có người nào đến nhà xin xỏ vật chi, xin quý ngài hãy đối xem cho được một tấm biển nhận chấp-ly của ban Cứu-tế thất-nghiệp. Nhà từ-thiện nào đã cho ban vật chi mà trong 48 giờ không được thư cảm ơn, xin làm ơn cho ông Chủ-tịch hay ông chánh Từ-ban biết.

Một người Pháp làm Hương-cả một làng Annam.

Mới rồi Hương-chức làng Long-nhung, tỉnh Baria (Nam-kỳ) có bầu-cử ông Robert Quintermet làm chức Đại-hương-cả cho làng ấy. Ông Robert Quintermet là nhà trồng tỉa trẻ tuổi, ở làng Long-nhung đã 7 năm, nói tiếng Annam rất giỏi và cũng am-biêu tánh-tình phong-tục của người Annam một cách rõ ràng lắm.

Bữa hương-chức làng Long-nhung trao bằng-cấp Đại-hương-cả cho ông Robert Quintermet, làng có làm lễ tế thần rất trang-nghiêm và sau cũng thiết tiệc đãi đặng ông Đại-hương-cả tân rất trọng thể.

Một điều chúng tôi không hiểu, là bữa tế thần, viên Đại-hương-cả làng Long-Nhung có bị khăn đen mặc áo dài theo lệ phục Annam là chăng?

Một quyển tiểu-thuyết bị kiện.

Cũng như quyển tiểu-thuyết « Mặt người lòng thú », cuốn tiểu-thuyết « Công vi bà » ra đời chưa được mấy

ngày đã bị một nhà giàu ở Châudoc cho quyền tiểu-thuyết ấy có phạm đến danh dự mình nên đâm đơn kiện. Tác-giả « Công vi bà » ký Bàng-Lãnh, tiền cáo nghị quyết Bàng-Lãnh là biệt hiệu của M. Lê-trọng-Đình nên lối ông này ra tòa đối nại.

Thứ bảy 14 Octobre, tòa tiểu-hình Saigon đem vụ này ra hỏi. M. Đình khai rằng ông không phải Bàng-Lãnh, cũng không phải tác-giả cuốn « Công vi bà », mà chỉ là người lãnh mối in cho nhà in Huỳnh-Trung để ăn học hồng thời. Tòa liền đưa ra mấy quyển « Công vi bà » đem trình số Depôt té ra quyển nào cũng có ký tên Lê-trọng-Đình dứt Bàng-Lãnh cả. Ông Đình nói việc đó là tự nhà in Huỳnh-Trung thêm vào mà không cho ông biết.

Hết cuộc Tòa tuyên-án phạt Lê-trọng-Đình 300 quan tiền và 150\$ thiệt-hại, 1\$ thẻ điện và phải đăng bốn án này lên 2 tờ báo quốc-văn 2 lần. Nhà-in Huỳnh-Trung được tha bổng.

Gần đây tiểu-thuyết bị kiện hai lần vì tội nói xấu về chuyện ca-nhơn.

Tòa đã xử lại vụ án Café Parisien.

Ngày 27 Juillet 1932, viên thanh-tra mật-thám Georges Maroselli có bản chết tình-nhơn là cô Ginette Moulier ở Café Parisien trên Tàodịnh (Saigon). Qua tháng Janvier 1933 tòa Đai-hình đem vụ này ra xử, kêu án Maroselli 10 năm khổ sai và 10 năm lưu xử. Maroselli liền chống án về tòa

Xin các nhà Đại-ly chú ý

Kể từ 1er Novembre 1933, Bồn-báo sẽ định lệ bán báo lẻ như sau đây, các nhà Đại-ly xa gần, xin vui lòng chú ý cho:

Số báo bán mỗi tuần không được dư quá số mười phần trăm (10%) vì dụ mỗi kỳ lãnh 60 số thì không được dư trên 6 số.

Vì có nhiều sự bất tiện và thiệt hại cho nhà báo, nên Bồn-báo phải định thể-lệ này. Huê-hống từ 1er Novembre sẽ định lại là 20% cho các nhà Đại-ly Bắc-kỳ.

THÊU MÁY!

Mme TRƯƠNG-VĂN-HUÂN

200 rue d'Espagne, SAIGON

Lãnh dạy thêu máy, thêu chỉ lặn (thêu tay và thêu máy) và bán các đồ phụ-tùng thêu máy.

Mời lại nhiều chỉ màu.

Phá-an ở Paris. Mới rồi tòa Phá-an xét trong giấy tờ vụ án mạng này, có thiếu hết một chữ ký tên của ai đó, nên gọi qua cho tòa Đại-hình Saigon xử lại. Sáng thứ hai 16 Octobre, tòa Đại-hình xử lại, chỉ phạt Georges Maroselli có 5 năm tù.

Chà Chetty bỏ cái chân vải rồi!

Mấy ngày rày thấy anh em ở đường Ohler (Saigon) đi kiếm mua vải dữ lắm. Hồi mua vải chỉ vậy, bọn chà Chetty nói: « Từ nay trở đi, chúng tôi không mặc thứ y-phục cũ: áo sơ-mi, quần chân, mà sẽ mặc toàn Âu-phục như người Âu-châu vậy. »

Sự thay đổi quốc-phục này, ở bên Ấn-độ đã thi-hành rồi, nên đồng-bào của ông Gandhi ở nước ta cũng phải làm theo.

Một sự tiến-bộ của chà Chetty!

Phòng đọc sách d'Arras.

Có Nguyễn-thị-Phượng-Huê, tổng thư-ký Phòng-đọc-sách đường d'Arras (Saigon) vì có bệnh nên sắp nghỉ một lúc. Có Nguyễn-thị-Trắng, chủ-nhơn sáng lập phòng đọc-sách, sẽ thay tạm cho cô.

Ăn cấp tiền hàng đến 46 ngàn đồng.

Chiều thứ bảy 7 Octobre, Mật-thám có đến bắt 3 thầy thơ-ký kế-toán giúp việc ở sở xi-măng Haiphong (Bắc-kỳ) vì họ làm nhiều giấy tờ giả mạo, ăn cắp của sở kia đến 46 ngàn đồng bạc.

Sau khi bắt 3 người thơ-ký gian lận kia, Mật-thám cũng có đến khám nhà họ nữa. Nghe đâu người chính phạm trong vụ này, nhà ở Kiển-an, hay tin trước mà tẩu thoát nhưng cũng bị bắt lại rồi.

Lại bắt được á-phiện lậu nữa.

Mới rồi, lính Mật-thám Haiphong có xuống khám chiếc thuyền của tên Đò-vân-Chung, đậu tại bến Haiphong. Kết-quả: Mật-thám bắt được 20 hộp 10 lượng thuốc phiện và 19 hộp 5 lượng, nhưng chỉ có 10 hộp là có thuốc lậu thôi, còn những hộp kia đựng toàn một chất sơn cả.

CÁC BÀ ME CỦA TRẺ EM

Lúc trẻ em còn trong tháng cho tới 6-7 tuổi, tới ngũ minh mủi thường nóng, hay khóc đêm, ho, ọc sữa, ăn uống không tiêu, bị cam tích, là tước; nhớ mua thuốc Bô con nit của nhà thuốc Đức-Trọng Annam, số 353, đường Cây-Mai Cholon, cho trẻ em uống thường thường được độ da thắm thịt làm bô lợi, không còn ọc-uột như trước nữa. Mỗi gói..... 0 \$ 10

Thuốc Xô bô Đức-Trọng Annam; uống rất dễ, không hơi đắng (rất có lợi nhai cũng không biết đắng) đi sóng êm, không đau bụng và làm mệt. Mỗi gói..... 0 \$ 15

Đề bán tại Nguyễn-thị-Kính Saigon, Librairie Nghĩa-Trọng Cánh; Bazar Nguyễn-thành-Liễn Vĩnhlong; Bazar Bền Sport Gocong; Haynht-Trí Pnompenh; Bazar Minh-Nguyệt Phanhiết (Annam).

Một người chồng tàn nhẫn quá.

Hồi 5 giờ chiều ngày 10 Octobre, có một vụ đánh lộn ở ngõ Demange (Hà-nội) người ta đến xem đông lắm.

Nguyễn-Tân, 39 tuổi, làm nghề nấu bếp, có vợ tên là Ng. thị-Du. Chiều bữa ấy, hai vợ chồng cãi lộn một lúc, Tân nổi giận lột truồng vợ ra đánh ở giữa đường, trong lúc người đi kẻ lại tấp nập. Và Ng.-thị-Du có thai đã được 8 tháng, lại bị Tân đập vào bụng, rên than đau lắm, phải đi nhà thương liền.

Tân đã bị lính bắt về bót.

Ban Trị-sự viện Dân-biểu-Trungkỳ.

Hồi 9 giờ ngày 10 Octobre, các ông Dân-biểu Trungkỳ đã bầu ban Trị-sự như vậy:

Viện-trưởng: Ông Hà-Đàng, Dân-biểu (Quảng-nam); Phó-viện-trưởng: Ông Nguyễn-văn-Trác (Thanh-hóa); Thư-ký: Ông Phạm-văn-Quang (Hà-tĩnh); Phó-thư-ký: Ông Lê-thanh-Cánh (Thừa-thiên); Hội-viên: Các ông Hoàng-Kiểm (Vinh); Đào-phan-Duẩn (Qui-nhơn); Bùi-huy-Tin (Huế).

Ban Thường-trực gồm các ông: Hà-Đàng, Phạm-văn-Quang và Nguyễn-quốc-Túy.

Một cặp tình nhân nằm cho xe lửa cán!

Sáng ngày 19 Octobre người ta đi ngang đường rầy xe lửa Biên-hòa ở Phú-nhuyễn, có gặp hai cái xác người bị xe lửa cán tan nát.

Cảnh-sát Phú-nhuyễn hay tin đến nơi điều-tra, mới rõ 2 người này là một cặp tình-nhân, trai 20, gái 17, thương yêu nhau đã lâu, nhưng bị cha mẹ áp-chế không thể kết duyên khăng-lệ được. Đêm 18 Octobre, vào lối chín mươi giờ, hai người này mới dắt nhau ra đón xe lửa Biên-hòa, rồi nhào vô cho nó cán một lượt đó!

Dr. TRẦN VĂN ĐỘC

Chuyên trị bệnh con nit

31, Rue Tabert

Góc đường Tabert và Aviateur Garros

— : SAIGON : —

Muốn chụp hình mỹ-thuật

Muốn rọi hình thiết giống và bền

Muốn rửa hình mau và tốt.

Xin mời các ngài cứ lại



IDEAL PHOTO

74, Boulevard Bonard

SAIGON

NU'Ó'C ĐỤC BỤI TRONG

Của BÍCH-THỦY

(Tiếp theo số 221)

Tổ đến tình-cảnh của các chị em thanh-lâu, thật là có lắm chỗ ai nghe qua cũng phải ngậm ngùi, ái-ngại và thương-xót thay cho thân-thể họ!

Đã làm nghề « quén anh rữ yén », họ phải trải thân ra làm vợ khắp các hạng đàn ông: từ bậc lão đại đến kẻ thiếu-niên, từ người khương-kien đến kẻ mắc bệnh hiểm-nghèo! Họ là cái mớ hững hờ lấy vô số mũi tên tu-sĩ, mũi lao thiêm-nhục của nhân-loại phóng vào! Họ từng nếm đủ mùi vị xấu xa hôi tanh ở tận mấy tầng đáy xú-hải uế-trĩ! Họ buôn bán những thứ « hàng hóa » bất ly thân, thường được lợi ít mà lỗ nhiều!

Họ chịu đấm ăn xôi, nhưng xôi vẫn tẻ; họ nghe chửi lấy liền, nhưng liền hiêm hơi!

Những người nhen-nếp từ-từ nói đến chuyện họ mà không khỏi thẹn đỏ bừng mặt, gián-hoặc gặp họ đi ngoài đường thì chúng ghé-góms mà ngoảnh cổ xây lưng, khạc nhổ nhòm-nhớp!

Họ là cái nhục chung của quần chúng, thứ nhất là cái nhục của một xã-hội biết tôn-trọng phụ-nữ và đương vận-động cho phụ nữ được chính-quyền, được giải-phóng!

Cũng như nhiều người đàn bà khác, họ có thể làm được bậc hiền-mẫu khă-kính, lương-thê khă-trọng, thực-nữ khă-ái, nếu họ có chút ít học-thức hay là có nghệ-nghiep đường-đường chánh-chánh mà làm ăn; cũng như nhiều người đàn-bà khác, họ còn có thể thành được bậc nữ-hào-khết, nữ-anh-hùng, nữ-thánh-triết, nữ-tài-tử, nếu họ có cái học-vấn uyên-bác hay là có cái quan-niệm về chân-danh-dự, và đoạn-tuyệt quan-hệ hẳn với mọi nỗi dục-vọng tham-lam đề-hèn! Họ không được như thế, là cái lỗi của xã-hội! Đã không được như thế mà còn sa xuống ở hạ-trục khảm đó, lại là cái lỗi nữa của xã-hội, mà là cái lỗi rất lớn!

Họ là cái đinh trong con mắt nhà đạo-đức, là cái gai dưới bàn chân nhà luân-lý, lại còn là cái đồ-vật rẻ giá của bọn phạm-phu tục-tữ, động dùng đến là mua, mua dùng xong là vứt ngay, cũng như

chúng đã dùng cây tăm xỉa răng hay là cái khăn lau mũi bằng giấy!...

Họ không phải là đàn-bà nữa. Họ chỉ là ky-nữ thôi! Nghĩa là người ta xem họ như một con vật, có khi còn kém hơn con vật nữa, vì loài vật có giống khôn-khéo hơn họ, như loài ong, loài kiến vùn vùn...

Nhiều nhà mô-phạm, nhiều nhà đạo-đức, nhiều nhà luân-lý, nhiều nhà bác-ái, thường dạy người ta những câu « nhân cấp cầm thú », « nhân vật đạo đồng », và bày ra luật bảo-hộ thú-vật; vì thú xin các ngài ấy ha-cổ đến bọn lâu-xanh mà bảo-hộ cho họ, thì các ngài ra dăng khiếp sợ mà quay mặt làm lơ!

Thậm chí có kẻ bảo: « Một á-ky-nữ là một thứ người vô-tâm-cơ, vô-tri-não, vô-linh-hồn! Đối với hạng người ấy, không cần gì phải dùng đến công-pháp! Một tên linh quén cũng đủ trấn-áp cả bầy ky-nữ lỗ-lăng! »

Lại có kẻ bảo: « Một người đàn-bà có giấy « bán máu », vì khác nào một chút bùn bần người ta ném xuống mương! »

Tuy nhiên, trong thiên-ha ít có kẻ biết rằng giữa xã-hội ky-nữ thường này ra lắm cái bữ-lăng của đức trung-liệt, đức từ-thiện, đức can-đảm, đức nghĩa-hiệp, mà phần-nhiều các bà đại-các trăm-anh, các bà đeo cái huý-hiệu qui-phái, các bà tự xưng là nữ-thượng-lưu, tưởng không mấy bà có được những cái « của » thiên-phú qui-báu ấy. Nay, ta thử xem:

Đồ-Thập-Nương (ở Tàu), là một á-ky-nữ có tầm lòng thủy chung với tình-lang và biết trọng-nghĩa khinh-tài; Tề-Cầm-Vân, người Kim-lăng; Hàn-Hương, người Nam từ (ở Tàu); Nguyễn-ca-Ký, người Nam-định (ở Việt-nam), đều là bọn thanh-



lâu, bông-lâu (1), ca-lâu, có chi-khi trượng-phu quân-tử và có công khuyến-khích, phát-triển, phù-bật nhân-tài; Dalila, người Do-thái (?), là cô ả binh-kháng có can đảm làm tiêu-tan mãnh-lực của hồ-tướng Samson và thúc-phục được ông ta mà nạp cho giặc Philistins; Monna Maglia, người La-mã, là một nàng nguyệt-hoa biết lợi-dụng ảnh-hưởng của mỹ-sắc mình mà đào-tạo tác-thành ra bạc từ-thiện và bạc anh-hùng.

Cho mới biết: dầu trong xã-hội chính-nhân hay là trong xã-hội xướng - kỳ cũng vậy, bao giờ cũng có kẻ tài giỏi mà cũng có kẻ trung-hèn; người ta ở đời chờ nên xét đoán một người, mà vội phê-phán bình-phẩm cả một đảng-phái.

Đứng xúm-xít trong văn-phòng của quan trưởng-dinh cảnh-sát, bọn kỳ-nữ không tỏ dấu e-ấp lo-sợ gì cả, hình như họ đã quen ra vào chốn ấy từ bao giờ.

Cái sự «bất giác» đối với họ là một việc rất thường, mà đối với mấy ả đã từng có tên trong «sổ đoàn trường» thì lại còn là rất thường hơn nữa!

Sở cảnh-sát, nhà đường-đường, đều là những nơi quen thuộc của họ.

Cả đời họ chỉ lãng-vãng mấy chỗ sau này: trù-phường, tửu-diêm, thanh-lâu, y-viện và cảnh-sát sở. Ấy đó là cái «thế-giới» của đám nô-lệ cho sự đam-dăng, cũng như trại lính, quán cà-phê, xưởng thợ, nhà máy, phòng giấy v. v. là cái «thế-giới» của bọn đàn-ông, nô-lệ cho đồng tiền!

Trước con mắt nhìn lạnh-chai và dữ-tợn của quan trưởng-dinh cảnh-sát, bọn kỳ-nữ hoặc nói chuyện râm-rỉ, hoặc ngất véo xỏ đầy nhau như lũ trẻ, hoặc hút thuốc, hoặc lên tay lên chân làm nhiều dấu tíc-tiu, hoặc ra vẻ diêm-tĩnh, hoặc lộ nét hân-hoan.

Quan trưởng-dinh hét lớn:

— Hãy nín lặng!

Rồi quan ta khởi sự kiểm-soát.

Lũ kỳ-nữ lần lượt bước tới trước bàn viết quan trưởng-dinh từng ả một, lấy giấy trong bóp da cũ-ký, hoặc trong túi, hoặc trong yếm, hoặc trong dây lưng, trong vớ, trong khăn, ra trình cho quan kiểm-soát, cái thứ giấy nhỏ và dài bằng khuôn-khổ tấm danh-thiệp, cái thứ giấy ấy nó liệt các ả

(1). — Bọn Nhật cũng có thanh-lâu và bông-lâu. Các ả thanh-lâu gọi là *djgoro*, các ả bông-lâu gọi là *getsha*.

kỳ-nữ vào hạng «*đur hương thượng phần*», nó chứng rằng các ả kỳ-nữ là những cái hoa cho muôn, ai muốn thưởng-thức thì cứ bỏ tiền ra thuê là được!

Quan trưởng-dinh soát giấy bọn kỳ-nữ cũng như anh hàng thịt kiểm-diểm số bò heo dầm vào lò, nghĩa là quan ta nhìn người, xem giấy, đóng dấu vào giấy, phạt tiền, cử-động một cách rất lạ-làng mau-mẫn, tợ-hồ cái bánh lăn của một bộ động-cơ chạy thật đều, không hề ngừng và không hề lằm lằm.

Các ả kỳ-nữ tiếp-tục nhau mà trình giấy và lãnh giấy: Chương-hạnh-Nguơn, Hồng - tuyết-Nương, Liễu-chi-Thu, Khuyển-bách - Điểu, Y-lục - Tuyền, Hoàng-kim - Bội, Phong-tù-Lan, Bắc-ngọc - Âu, Khổng-mộc-Trâm, Tây-mãn-Nguyệt, Hạc-thiên-Phi, Mã-kỳ-Hồ, Đàm-diệu-Tuấn, Quế-hương-Son, Tiến-vũ-Cảnh, Hạ-thạch-Thiểm,..... sau cùng lại đến phiên Ngọc-Dung.

Nàng đứng thẳng, không nhúc-nhích, trước mặt quan trưởng-dinh cảnh-sát.

— Con nhỏ này sao không trình giấy mầy ra? Quan ta vừa hỏi vừa nhìn kỹ Ngọc-Dung mà thuở nay quan ta chưa hề biết mặt.

Ngọc-Dung bối-rối:

— Tôi không hiểu ông muốn nói gì; nàng ấp-úng đáp lại. Tôi không có giấy ấy, ông ạ!

Quan trưởng-dinh phi cười một cách cay nghiệt.

— Đã bị bắt vào đây thì đừng làm mặt thật-thà vô-tội nữa! Quan ta nói. Tao chán biết cái cách lừa đảo của mầy lắm. Mầy giả dạng như một người đàn-bà trong-sạch từ-tế, đương đêm nong-nực không ngủ được, phải vào công-viên Lục-âm-cốc mà hứng gió cho mát. Nhưng tao không mắc mớ mầy đâu. Nếu mầy đã có giấy mà rủ đánh rơi mất, hay là mầy «lạm ăn» không đúng theo pháp-luật, thì mầy cứ thật khai ngay, tao không phạt tiền mầy và cũng không giam mầy vào «chuồng» tao chỉ phạt cho mầy một cái giấy khác mà thôi.

Nói đoạn, quan ta lấy một quyển sổ to lật ra—sổ đoàn-trường!—hỏi tên họ quê-quán Ngọc-Dung rồi biên vào đấy; lại kéo học tử bên tả lấy ra một mảnh giấy cứng—mảnh giấy đó xem chừng như chẳng độc-hại gì, nhưng mà nó có thể làm ô-danh sĩ-tiết một người đàn-bà phi-phong chỉ chất!

Quan trưởng-dinh viết tên họ niên-canh của Ngọc-Dung vào chính giữa mảnh giấy ấy bằng thứ chữ to lớn, ghi thêm vài hàng chữ nhỏ nữa vào chỗ lạc-khoảng, biên số hiệu vào một góc dưới, ký tên vào một góc khác, đóng dấu lên, rồi đưa cho Ngọc-Dung và nói:

(Còn tiếp)

ĐÔI CÔ ĐẲNG

(Tiếp theo số 221)

Ấy vậy, Nê-Niết phải để râu, dùng y-phục theo kiểu rất thông-dụng ở Rơ-tông. Ni-Ni cũng phải cải trang như phụ-nữ bốn thố.

Nê-Niết thấy vợ đổi cách ăn mặc rất giống đàn-bà xứ ấy, và chắc là hap-nhĩn anh ta lắm nên khen:

— Chà! Có nầy lịch-sự dầu lên!

Đoạn ngâm nga:

Ái xính ái đẹp, ái yểu-diệu cho bằng con bạn chung tình!
Em ói, đã xứng duyên phu-phụ thì hai đứa mình cứ thương nhau!

Mã-Lợi, Đào-Danh ngồi nghĩ trên lầu. Chúng nó lấy làm đắc ý. Thật, mưu-sâu đã thành-lự, từ đây trong trăm phần đã chắc hết chín mươi chín rưỡi được vãng-vàng, được an-tâm mà lạc-hưởng phú-quí.

Đào-Danh bàn rằng:

— Cái may thường hay rủ cái may. Bây giờ nên đi tìm kho báu vật thử coi? Chuyển nầy tôi tưởng nên đi về phía vựa lúa.

«Thường ở dưới mái nhà, người ta cũng hay giấu đồ.»

Mã-Lợi bằng lòng liền, chẳng nhần mặt chột nào.

Kể tham, khi đánh hơi vàng, dầu đã hết sức, hết hơi, cũng quên mỗi mết.

Cả hai đồng noi thang lâu mà lên từng chót.

Đến nơi, chúng nó thấy mình ở nơi một thứ thông-bành minh-mông, cửa vô số. Theo bề dài có ngăn ra nhiều căn phòng nhỏ.

Đào-Danh luận rằng:

— Phải khởi sự từ đâu nầy.

— Ừ, chứ không còn cách nào khác.

Mở cửa thứ nhất, chúng nó bước vào một cái phòng không có chường dơn; mấy góc, chỉ nhện kéo đầy ren bầy bầy.

Xem xét khắp nơi, gỗ, rờ, đủ chỗ, Mã-Lợi và Đào-Danh mới bằng lòng qua phòng kế đó.

Hơn hai giờ đồng-hồ, cặp gian-nhơn làm việc quá sức như thế, hết phòng nầy sang phòng nọ; rồi, mỗi mết và thối chí, chúng nó định nghỉ một chút. Thờ-ơ, lúc trở ra, chúng nó để ý một cái cửa của căn phòng kia, ném về phía tháp dóm, cửa ấy chạm trở công-kỷ và sắc-sảo hơn hết.

Chúng nó bèn xô cửa vào, thì thấy một cái phòng trống, trên có nóc trần cao và có ba cái cửa gió hẹp. Song ánh sáng lọt vào đủ cho xem rõ bản ghế sắp đặt trong phòng.

Mã-Lợi Đào-Danh xem như một cái phòng văn của nhà lục-khảo cổ-tích ở thế-kỷ mười tám, cách bày-bố pha-lẫn kiểu tân-chế và kiểu nhà tu.

Trên một cái bàn viết dành mọc chạm khéo, có đề những tượng quí, thần. Trước bàn, một cái ghế đúng kiểu thuở thập nhị thế-kỷ, có đai nhọn oai-nghi, khiến cho chúng nhớ lại dung-nghi cụ già râu bạc phơ-phơ thuở nào ngồi đó mà trầm tư mặc-tưởng về phép huyền diệu của Chúa.

Những tranh màn treo tròn theo tường, lộ ra những hình vẽ về sự tích thần tiên.

Hai bên bàn đều có tủ sách rất to, mấy cánh cửa chạm tỉ-mĩ lắm.

Trên mấy bàn nhỏ, có những bình, những bình chạm, một cái đồ cạm đèn có bảy nhánh; một cái đồ để viết có cạm lông ngỗng; một con dấu; một cái sọ người, vàng và có ngời như ngà; những giấy-da trên còn lộ nét chữ.

Những ghế ngồi, chơn vạm-xa, trên có lót nệm; một cái kệ để đọc thành-thơ, một cái tủ-học, kiểu kim-thời hơn hết trong cái phòng la ấy.

Mã-Lợi biếm rằng:

— Còn thiếu một con sáu khô thì đủ bộ!

Đào-Danh có ý thích các món đồ, nên xem xét theo người thông thạo; cầm vật nầy, rờ vật kia; mấy chỗ tróc bụi làm cho thấy màu sáng ngời.

Và mở mấy tủ sách lục-soát mấy quyển sách đóng rất khéo; nhiều cuốn khảo về tả-đạo, sách thời-đam của Froissant, pho tranh-vẽ Apocalypse, Đào-Danh đều lật hỏi-hỏi xem thoáng qua.

Còn Mã-Lợi thì xây mặt về màn khảm.

Một điều làm cho Mã-Lợi chú-ý.

Một cái khuôn của bức tranh thêu, làm bằng thao, dính đóng đều xi vàng; nhưng khuôn ấy hình như chẳng phải làm ra dùng với chỗ đó.

Đã vậy, vành ngoài và phía dưới hình như có sự mặt-nhiệm gì.

Mã-Lợi suy-nghiệm, thắc-mắc.
 Chắc có điều giấu-giếm chi đây..., hoặc giả một
 tấm trâm để che đây học tữ gì chẳng?

Kho báu vật, có lẽ!...
 Bây giờ phải kiếm thế làm lay-chuyển cái trâm
 này. Mã-Lợi tính một hồi, đoạn kêu Đào-Danh
 mà nói:

— Tao chắc chỗ này có mấy móc tàng ẩn. Thế
 nào cũng có mảnh lờ chi mở ra chớ, phải không?
 Song tao nghiệm hoài không thấy.

Đào-Danh dòm cái khuôn một hồi, đoạn mắng-
 mọ toan kiếm một cái nút kín, một lỗ hổng; song,
 phía sau bức tranh, vách tường vẫn cứng-khư.
 Chủ rề lấy làm lưỡng-lự.

Thật, lòng tham vô độ của cặp bất-lương quyết
 thế nào cũng đoạt cho được châu-báu của nhà
 Kiệt-Lư, cho nên, tự nhiên, một chút hồ nghi,
 là chúng nó cũng làm sao cho đến được quả-quyết
 mới nghe.

Ấy vậy, chúng nó cầu may kiếm riết.
 Song, lâu rồi Mã-Lợi đổ quau. Tánh thường của
 va như vậy; bức trí một chút đã mắng rửa, thế
 thốt om-sòm, lại nằm tay mà dấm mạnh vào vách
 một giọt năm sáu cái.

Vút đầu, phía dưới cái khuôn, nghĩa là từ cạnh
 khuôn trở xuống mặt đất, mở bùng ra, làm cho
 thấy một cái góc đen thui, chừng một thước bề
 cao, sáu tấc bề rộng. Song liền đó, cái cửa bí mật
 khép lại như cũ!

Mã-Lợi chán-ván la lên:
 — Thiên lôi!
 Đào-Danh không tin rằng nó thấy thiệt. Song biết
 rằng cái cửa khi này mở ra là nhờ sức dấm của
 Mã-Lợi, nên hỏi:

— Ba đánh chỗ nào vậy?
 — Hờ! ăi biết!... Tao dấm gần khắp nơi.
 Đào-Danh không nói nữa, chỉ dòm Mã-Lợi. Con
 mắt của gã này lộ ra sự háng-hái và ý muốn tuân-
 do nơi các nẻo mới gặp đó.

Chàng rề khòm xuống, xô chỗ tường bùng ra khi
 này, coi kỹ là một cái cửa thang khu-ốc, vụng-xa
 theo cái hang hẹp, song có thể cho một người đi lọt:
 — Xem thử, nghe?

Mã-Lợi làm thinh, giúp Đào-Danh chung xuống.
 Va cũng nổi gót.

Nhờ có đèn điện đem theo, chúng nó rọi đường
 mà lần xuống.

Xuống sâu chừng nào, vách tường càng ướt,
 rong rêu bao phủ rất thanh, chúng nó bước cần-

thận lắm mới khỏi trượt. Thỉnh-thoảng một vài con
 cóc sợ hoảng, nhẩy cà-xom...

Xuống hoài, chẳng đả mồi, Mã-Lợi mệt dừ, nói:
 — Đường này vô tận sao cả? Mấy có đếm
 không, Đào-Danh?

Chủ rề dừng chơn mà thở:
 — Có. Đã có một-trăm-hai-mươi-bốn nấc thang
 rồi. Coi bộ còn chưa tới mà!

Thanh-khi càng sâu càng ít, thêm mùi hôi-hám
 nực-nồng, song chúng nó vẫn bền lòng, lần xuống
 mãi.

Mã-Lợi đã bần-thần lắm, song Đào-Danh la lên:
 — Tới rồi! Chao cha! lâu hết sức!

Chúng nó đã đến một thừ hang mờ, thấp mà rất
 to, to cho đến ánh sáng ngọn đèn không rọi thấu
 vách đầu kia.

Mã-Lợi ngỡ-ngẩn:
 — Tui mình đi trùng nẻo rồi. Song tao để cái
 mật-từ của thằng Kiệt-Lư ngu-xuẩn, trong tủ tại
 nhà, không biết phải dò hướng nào.

« Song theo chỗ tao nhớ, thì trong đó có một bề
 mặt rộng, có ba nẻo thông hành. Bây giờ ta hãy
 xem coi có ba nẻo đó không thì chắc ý. »

Vậy, do vách gần đó để làm căng-bướng, hai
 đứa đồng-lỏa lần riết tới; chẳng bao lâu thì đến
 một cái cửa hang xoi vô trong đất.

— Một cái rồi, nghe!
 Đào-Danh nói và rọi đèn xem. Song cũ hai trở
 qua phía hữu mà đi nữa. Chừng mười bước,
 nó gặp một cái hang nữa, nằm song-song với cái
 trước. Cách mười bước xa một chút nữa thì đến
 cái hang chót; song nẻo này nằm dọc, chớ không
 đồng phía với hai cái đã gặp rồi.

Mã-Lợi nói:
 — Không còn nghi nữa! Tao nôn quá mấy ời!
 — Tôi cũng vậy! Song, ba nẻo, phải đi nẻo nào?
 — Cái đó chưa nói được. Nhưng mà chắc là
 nẻo này.

« Ờ, tao nhớ trong giấy nói ngổ ấy nằm khác
 hướng với mấy ngổ kia.

« Đi nà! Bất quá có lầm thì trở lại chớ gì? »
 — Đi!

Chúng nó vào hang chót đó.

Độ hai trăm thước, chúng nó đến một cái « nđi
 rọ », bề ngang chừng tám thước, bề dài mười-hai
 thước, phía hậu có ba khuôn nằm song-song gần
 nhau. Ba cái đều một cỡ, một kiểu, bằng sắt, có
 khóa chắc lắm. Song chẳng có chìa khóa máng
 gần đó!

(Còn tiếp)



HÒN MÁU BỎ RO'I

(Tiếp theo số 221)

Bây giờ người ấy không cử động gì nữa. Cảnh-Du
 tưởng tượng cái người đó là cái hình một mỹ-nhơn
 bằng thạch-cao, thầy chung tại bàn viết: đẹp lắm,
 khéo lắm. Nhìn cho đã mãn rồi, thầy mới đi lại
 trước mặt Kim-Phụng.

— Ừa thầy hai, thầy mới tới đây à? Kim-Phụng
 đứng dậy chào rồi ngồi lại như trước. Có lại hỏi
 tiếp:

— Sao thầy biết tôi ở ngoài này?
 — Tôi định chừng ra đây, mà thiệt quả có có.
 — Thôi, ngồi lại đây xem trăng.
 Có xít tận đằng một đầu ghế, để trống chỗ cho
 Cảnh-Du ngồi. Rồi có hỏi:
 — Trời này thầy ngủ được không?
 — Dạ, không.
 — Tôi từ gặp việc đến nay, nhờ con trăng này
 mà giải buồn.
 — Có còn nhớ con trăng này mà giải buồn, chớ
 tôi thì không biết lấy gì!

Cảnh-Du nói rồi thở dài. Kim-Phụng trộm nhìn
 cái cử chỉ của Cảnh-Du; có thấy thầy lấy chơn quẹt
 qua quẹt lại dưới đất, thầy gằm mặt xuống, cúi
 chỗ thây chỏi trên bắp vế, hai tay ôm lấy càm.
 Kim-Phụng đương không muốn buồn, mà phải
 buồn; vì Cảnh-Du đã đem hết cái phiền não ra
 cho có thấy. Có cũng thở ra khi Cảnh-Du thở ra. Đối
 với cảnh ấy, người ấy, một người con gái đào tơ
 sen ngổ như Kim-Phụng lấy làm ngỡ-ngẩn bởi hỏi.
 Có dóm lại cái thân phận có rồi có hết biết nói
 sao. Có thăm xét giá như có đã làm bé ông Phũ
 rồi, cái thân cô ra sao. Cái kiếp làm bé là cái kiếp
 ở độ không công, là kiếp làm nó lệ cho cha mẹ
 chồng, cho chồng, lại cho đến vợ lớn, con chồng.
 Nếu con người ta sanh ra rồi không phần, thà là
 liệu lấy thân mình làm sao cho được tự chủ thì
 hơn, chớ cái kiếp làm bé mọn thì xin chừa đi. —
 « Tạo vật ời! Kim-Phụng 'ôi đây sanh ra ích gì
 không? Có tôi hay không có tôi thì có thêm hay bớt
 chút đẹp nào trong cái đại-kỳ-công của ông tạo

nhân vô trụ này không? — Sao hôm mình đau,
 mình không chết phứt cho mắt thân. Mình còn
 sống đây lại phải chịu ơn người ta. Sao lại cũng
 một tay người ta cứu mình, cứu cha mình? Cái
 nhơn gì? quả gì? Ai bày đặt cho nên cái gặp gỡ
 này? Cái thân sống này nếu là cái bình-dung của
 cái khổ, thì thì cũng nhấm mất phở nó cho mặc
 cái quyền năng đã sanh nó ra! »

Cái vật gì bằng cây thì không dẫn diễn được.
 Thế mà cái ghế trên đó Cảnh-Du và Kim-Phụng
 cùng ngồi lại dẫn diễn dặng mới lạ! Không hiểu
 vì làm sao, tại ai, mà khi nhớ lại thì hai người,
 lúc ngồi thì mỗi người ở một đầu ghế chớ
 phải, bây giờ hai người ngồi kề nhau, ngồi kề nhau
 mà không hay, và cũng không nghe Kim-Phụng, hay
 Cảnh-Du tỏ ra sao cả; hai người dường như quên
 hết cả sự vật quanh mình. Một chặp Kim-Phụng
 bảo: « Đi vô thầy ha! » Rồi hai người cũng đứng
 một lượt, hai tay cùng nắm song song đi vô nhà.

Cái đêm ấy là cái đêm gì? Đêm gì, lựa là phải
 nói mới biết. Ấy có phải việc đời đều là ngẫu
 nhiên hết không? Vậy có mấy câu thơ tức-cảnh
 ấy như sau:

« Một giấc non Vu lối chấp chơn,
 « Ai hay trong mộng lại rằng chơn.
 « Không duyên đâu dễ loan so phụng.
 « Chẳng nợ sao mà lữ bèn hương.
 « Cầu thước duyên ô đã gác nghiệp.
 « Cầm hồ dòng biếc lại đem đường.
 « Cho hay nguyện mãi may khi cũng....
 « Chiều ý trời già đừng chủ trương.

VIII

QUAN GIA LÀ ĐÂY

Trong chiếc ghe bầu sơn vẽ rất đẹp, bốn người
 trạo chèo bạc lực. Sau lái, cây cờ tam sắc phấp-
 phới phấp-phới, bay lên giương xuống. Giữa là cờ,
 nơi sắc trắng thấy lằng xằng những chữ. Là cờ
 không cần thẳng nên không thể đọc được.

PHU NU TAN VAN.

Ta chỉ đọc được một chữ « ... Quận » mà thôi. Dòm ngang hông qua cửa sổ mui ghe, nhận ra hai người : một người trông tuổi, một người còn trẻ. Hai người ấy nếu gương mặt giống giống có thể nói là cha con được. Người lớn tuổi mặc áo dài, vấn khăn đen chỉnh tề, người nhỏ mặc đồ tây. Nhắm cái tướng là người lớn tuổi, đoán được rằng người ấy làm-thấp. Gương mặt no mà trắng. Ta có thể ngó gương mặt mà nói tuổi người ấy chưa quá năm mươi. Liềm vì hai bên tóc mai và bộ râu ngạnh trẻ đã bạc hoa râm. Người trẻ có trên ba mươi tuổi..

Trong lúc chúng ta thấy đây, người lớn mở cái cặp da, móc ra một tờ giấy đọc đủ nội hai người nghe :

Bên-tre.....

Kính-bẩm Quan-lớn Chủ-quận

« Chúng tôi là lương-dân trong làng A..., làng B..., làng C..., đồng đến xin Quan lớn ra oai trừng-trị tên cường-bào trong tổng chúng tôi là thầy Cai-tổng..... tổng M..., về mấy hôm sau này :

« 1. Thầy tra hỏi dọa hươu-chức trong bốn tổng. Chức việc đi làm việc với thầy, thầy chửi như chửi chó. Thầy thừa dịp cử hội-tề, nhưt là cử chức xã-trưởng, thầy ăn tiền như thầy ăn tiền của

tên Giáp làng A... 200\$ dâng cho nó làm xã-trưởng, tên xã Át 200\$.... v.v.

« 2. Thầy mượn tiền công-ngho của hết thầy mấy làng trong tổng thầy thầy xài, thầy có biên - lai song không bao giờ thầy trả. Như năm rồi thầy mượn của tên xã Mít 400\$. Chứng tên này mãi khóa xã, thầy đem vượt bực nó lên làm hương-sư dâng trừ số tiền đó.

3.

4.

« Bởi các tội hà-lạm trên đây, dân chúng tôi dựng đơn này cho Quan-lớn. »

Nay kính bẩm

Dân tổng M... đồng đồng.

— Sao kỳ! Theo thầy, cái thơ nặc-danh này thầy đoán coi hạng người nào viết?

— Bẩm Quan-lớn cũng người nào rất lớn trong tổng M... viết chờ không ai.

— Trong tổng còn ai lớn hơn Cai-tổng? Không lý thầy rơi thơ làm hại lấy thầy!

Thầy ký cười và đáp nhỏ :

— Bẩm, thầy Phó chứ không ai.

(Còn tiếp)



CHÙM NHO TƯƠI

Ông hội-dồng Tánh đi Saigon về, có mua một gói đồ cho bốn đứa con. Ông gọi chúng lại bảo :

« Các con lại xem cái gì đây nè ».

Lũ trẻ chạy đến, đứng xung-quanh một cái bàn tròn, gần bên ông hội-dồng. Ông mở gói ra, rồi hỏi :

« Các con biết trái cây này tên gì không? »

Con Đông, lên bảy tuổi, con út của ông hội-dồng, nói :

« Chà những trái nhãn-lồng đẹp-đẽ quá! Ba mua hay bề ở đâu vậy, ba? »

Thằng Xuân, con trưởng của ông hội-dồng, cãi :

« Không phải nhãn-lồng đâu! Đây là những trái bòn-bon mà! »

Thằng Hạ, con thứ nhì, nói :

« Trái táo chó, phải không ba? »

Thằng Thu, con thứ ba, nói :

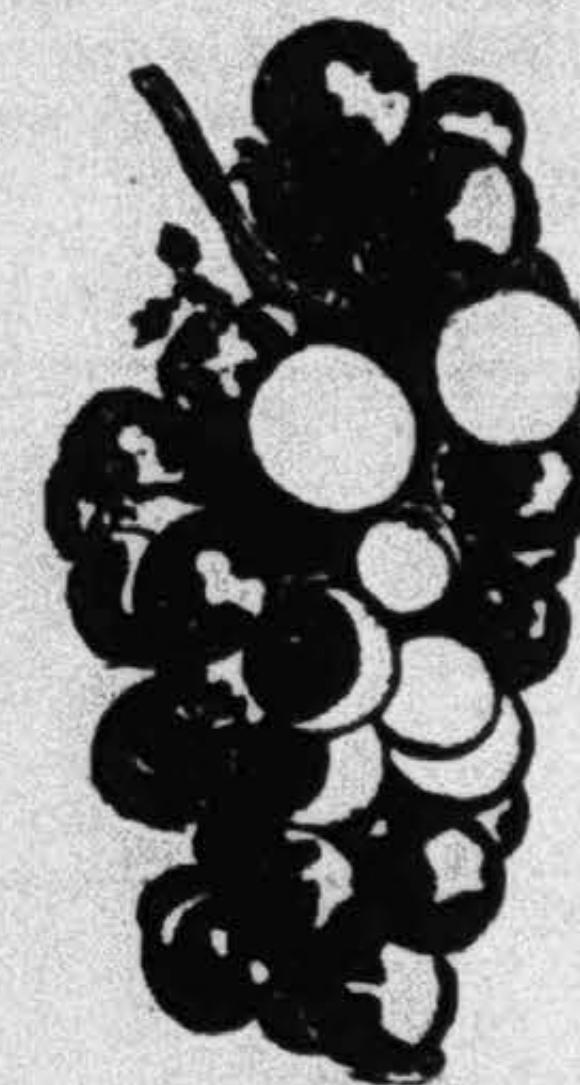
« Chắc là trái mướp-quần, các anh à! »

Ông hội-dồng phì cười, nói :

« Các con nói bậy hết! Trái này là trái nho tươi, thứ trái cây của người ta dùng làm rượu chát hay phơi khô để trong hộp đem bán qua xứ mình đó, các con biết không?... Người ta trồng nho trên những miếng đất cao - rào ở mấy xứ ấm-áp và mấy xứ mát-mẽ, nhưng nhiều nhất là ở những xứ mát-mẽ như nước Pháp, nước Tàu, v. v. »

Thằng Hạ hỏi :

« Thầy con nói rằng khi-bên bên nước Pháp qua mùa đông thì lạnh-lẽo lắm, không hợp với sự sống của phần nhiều loài cây bên xứ nóng-nực, phải không ba? »



— Phải.

— Vậy người Pháp không thể trồng ở đất họ những giống cây bên xứ mình, như xoài, chuối, măng-cụt, dừa, v. v., hay sao?

— Trồng được, nhưng bao công tốn của lắm! Họ trồng những giống cây ấy trong các ôn-thất...

— Ôn-thất là gì?

— Ôn-thất là một thứ nhà to, vách và nóc đều bằng kiến dày. Người ta cất thứ nhà ấy để cầm

giữ khi nóng bên trong và ngăn đón tuyết giá bên ngoài; mùa đông rét-mười, người ta dùng mộ cái lò lớn để lưu lại ôn độ thời-thường cho cây-cối... Thôi, ba chia cho các con mỗi đứa một chùm nho đây nè, còn chùm lớn này để dành cho má bảy.

Chiều hôm ấy, ông hội-dồng hỏi các con lại, hỏi :

— Sao? Các con ăn nho có ngon ngọt không?

Toàng Xuân đáp :

— Thưa, ngon ngọt lắm, ngon ngọt cho đến nỗi cồn không nổi vứt bỏ một cái hạt nho nào cả; con đã gieo mấy chục hạt nho của con trong một chậu hoa hương trước hàng-ba, để nó mọc cây lên thì con sẽ bứng ra đem trồng lại sau vườn. Không biết chừng rồi đây con sẽ có nho tươi ăn nữa!

— Bây giờ con có chi trồng cây, có lẽ ngày sau con sẽ thành một người làm vườn giỏi-giỏi... Còn thằng Hạ, con ăn nho có ngon không?

— Dạ, nho ngon lắm! Bởi vậy con đã hỏi xin má con mấy trái nữa để ăn thêm cho đã thêm, nhưng mấy cái hạt thì con ném cả.

Sữa nước tươi

Nestlé

Hiệu



Con

Chim

Là thứ sữa rất trong sạch, rất bổ dưỡng, dễ tiêu hóa, lúc nào dùng cũng tốt.

Thứ sữa này quá nhiên là đã có tiếng khắp hoàn cầu.

— Con tham ăn quá! Đã ních hết phần của mình rồi, lại còn ăn lam phần của người khác nữa! Từ rày con phải bỏ cái thói xấu ấy đi, kéo người ta chế cười... Còn thằng Thu, con ăn nhỏ biết mùi vị nó ra sao?

— Thưa, nhỏ là một thứ trái cây ngọt-ngào, ngọt ngon hơn giống nhân, vì nó có nhiều mật ngọt gắt hơn giống nhân. Nhưng con chỉ ăn có một trái thôi, còn bao nhiêu con bán cho người ta một cái bạc. Bán như vậy là được tiền lắm, phải không ba?

— Con còn khờ dại lắm, chưa đến tuổi làm nghề buôn bán! Muốn làm nghề ấy, ít nữa phải đợi đến lúc khôn lớn và phải có tăng-trái trong việc thương-mãi mới được... Bây giờ tới phiên con Đông nói cho, ba nghe thử coi con ăn nhỏ có ngon không?

— Thưa, con... nói... không... được!

— Tại sao con nói không được?

— Tại con không có ăn nhỏ!

— Con không có ăn nhỏ à?

— Thế còn chum nhỏ của con đâu?

— Con đã cho con Lý rồi!

— Con Lý nào? Và vì sao con đã cho nó chum nhỏ?

— Con Lý là một đứa bạn nghèo của con, ở gần đây... Con đến chơi nhà nó, thấy nó đau nằm trên giường; con thương nó, muốn cho nó chum nhỏ, nhưng nó không chịu lấy. Con phải bỏ đại chum nhỏ trên mình nó, rồi con chạy về đây...

Ông hội-đồng vuốt-ve, nằng-nịu con Đông và nói với nó:

— Con là một đứa trẻ có tấm lòng quý-hóa, đáng yêu mến hơn hết!

Bích-Thủy

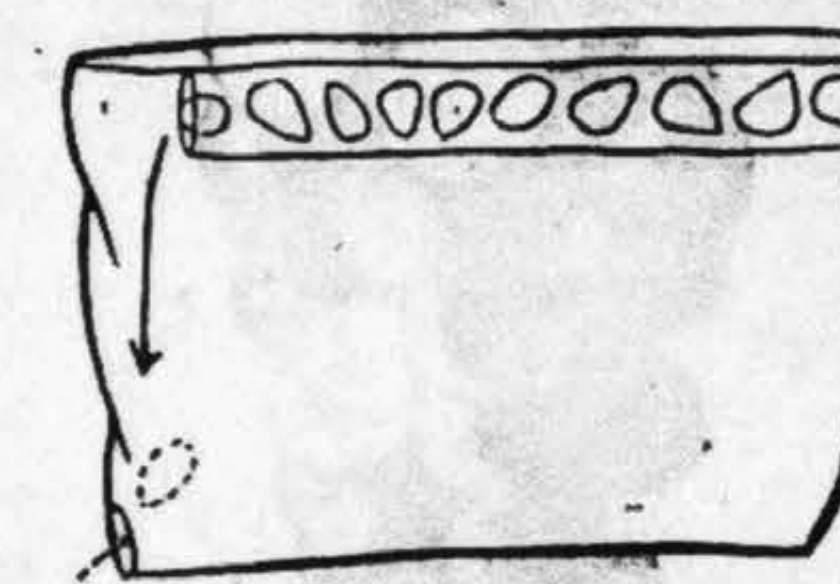
PHÁP-THUẬT

Cái bao bí mật đề ra hột gà

Có lẽ các trò em thường thấy bọn Sơn-đông hay nhiều tay diễn-trò qui thuật thường diễn trò này.

Họ trình cho mọi người xem một cái bao vải đen trong và ngoài và muốn cho khán-giữ tin chắc thêm, họ lại vò cái bao, và đập dít bao xuống một cái ghế, để tỏ cho mọi người biết là bao không có gì hết.

Một lát sau họ lại lấy trong bao ấy ra không biết bao nhiêu là hột gà. Phần nhiều khán-giữ, ai cũng đoán hột gà ấy ở trong tay áo thuật-giữ mà ra, nhưng họ đoán lầm hết. Các em hãy xem hình dưới đây:



Khúc trên miệng bao có may dính vào một ống vải, (như ống lưng quần rút) độ 3 lóng tay và nhờ ống vải đó để chứa trứng gà... Nhưng trứng gà này phải đục lỗ, rút hết ruột ra cho nhẹ mới được.

Lúc đập và vò cái bao họ chỉ bóp nhẹ nhẹ vừa đẩy hột gà rơi lần lần xuống dít bao, bấy giờ họ chỉ nặn dít bao cho hột gà chung ra lỗ (x) mà trình cùng khán-giữ.

NGUYỄN-THÀNH-LONG

Chợt

ĐÁP BÀI ĐỐ GIẢI TRÍ

Mua trứng gà vịt

Bài đố này chẳng qua là một bài đố dễ thử coi các em có sáng trí chăng. Em nào sáng trí thì thấy ngay rằng: Nhà chuyên-môn bán trứng kia không cần phải đi mua như vậy lần nào hết! Vì sao?

— Người kia mỗi lần đi mua thì được 2.000 trứng vịt và 1.000 trứng gà — (theo bài đố trứng vịt hai phần $\frac{2}{3}$ trứng gà một phần $\frac{1}{3}$) — nghĩa là trứng vịt

nhiều hơn trứng gà.

Mỗi lần mua thì số trứng gà và trứng vịt đều không bằng nhau, thế thì dầu cho mua nhiều lần cũng không làm sao cho bằng được.

Các em hãy làm thí dụ như vậy: Người ấy đi mua như vậy X lần, rồi viết ra bài toán nhơn, sẽ hiểu ngay:

$$\begin{array}{r} -2.000 \\ \times X \\ \hline \end{array} \quad \text{và} \quad \begin{array}{r} 1.000 \\ \times X \\ \hline \end{array}$$

Làm thế nào mà 2.000 nhơn cho X bằng 1.000 nhơn cho X được?

Muốn cho hai bài toán nhơn ấy bằng nhau thì cần phải số X bằng số 0 (zéro) ($X = 0$). Theo phép nhơn thì:

zéro fois 1 fait zéro;
zéro fois 2.000 fait zéro;
zéro fois 1.000 fait zéro.

Lẽ tất nhiên là zéro bằng với zéro ($0 = 0$);

Nếu X bằng 0 thì người này không phải đi mua lần nào cả.

Người ta có nói thêm câu: « Người ta biết trước... » thì số trứng gà và vịt hư hao sẽ không khác nhau, chẳng qua là để cho các em nào vô ý lại có tánh « láo-lạo » càng dễ mắc « bẫy » đó thôi.

Đ. X.

LE RADIUM AU SERVICE DE LA BEAUTÉ PAR LA SANTÉ DE LA PEAU

Les
brûlures du soleil
la peau qui pèle, la cuisson
douloureuse après un bain
de soleil sur la plage...
tout cela passe rapidement
avec de larges applications
de la crème embellissante et
curative.



Dr. T. Burroughs & Co.

THO-RADIA

A BASE DE THORIUM ET DE RADIUM
SELON LA FORMULE DU Docteur Alfred CURIE

active la circulation,
raffermit les tissus,
élimine la graisse,
empêche la déformation
des pores, prévient et
supprime les rides.

FORMULE:
Thorium chlor. : 0,50 gr.
Radium bromure : 0,25 microg.
Excipient Q. S. P. : 100 gr.

En vente
EXCLUSIVEMENT
chez les Pharmaciens et au Dépôt:
Pharmacie MDS
191, 201 - Rue Catinat.

LE TUBE : 1\$10 — LE POT : 1\$65

Brochure gratuite sur demande à l'Agence Générale pour l'Indochine, 76^{bis}, Rue Mac Mahon, Saigon

LỜI CHÚNG-NHẬN CỦA NGƯỜI BÀO-CHẾ

Crème Tho-Radia là một thứ Crème đặc-biệt Tho-Radia là thứ Crème chế theo khoa-học, do theo máy đều tâm kiểm của ông y-khoa tĩn sĩ Alfred Curie. Toa thuốc như vậy:

Thorium chlorure : 0,50 gramme.
Radium bromure : 0,25 microgramme.
Excipient Q. S. P. : 100 grammes.

Đó là toa thuốc của crème Tho-Radia, chỉ có người bào chế thuốc được phép làm chứ không phải như các thứ cremes kia, nhà nào làm cũng được.
(Trích trong lời tuyên bố của Dr. F. Tixier về sự phát minh của ông Dr. Alfred Curie).

IMP. J. NG.-VAN-VIET & FILS

Le Gérant: NGUYỄN-DUC-NHUAN